

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

| STT | SỐ<br>CCHNLS | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY | THÁN<br>G | NĂM<br>SINH | NƠI CƯ TRÚ                                                    | SỐ<br>QUYẾT<br>ĐỊNH | NGÀY | THÁNG | NĂM<br>CẤP |
|-----|--------------|------------------------|------|-----------|-------------|---------------------------------------------------------------|---------------------|------|-------|------------|
| 1   | 23195        | Ông Trần Ngọc Huy      | 22   | 8         | 1994        | Phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai              | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 2   | 23196        | Ông Nguyễn Thanh Bình  | 20   | 6         | 1996        | Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh            | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 3   | 23197        | Bà Hoàng Thị Lan Hương | 7    | 11        | 1995        | Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh            | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 4   | 23198        | Ông Nguyễn Anh Đức     | 1    | 12        | 1980        | Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh            | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 5   | 23199        | Ông Hoàng Ngọc Vinh    | 27   | 2         | 1981        | Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội               | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 6   | 23200        | Ông Hoàng Quảng Lực    | 25   | 10        | 1962        | Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình            | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 7   | 23201        | Ông Âu Gia Vượng       | 18   | 3         | 1963        | Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 8   | 23202        | Bà Trần Thị Lệ Uyên    | 6    | 11        | 1967        | Phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 9   | 23203        | Ông Trần Sáng          | 12   | 8         | 1966        | Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 10  | 23204        | Ông Lê Đình Hải        | 8    | 8         | 1967        | Phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội         | 14                  | 5    | 1     | 2024       |
| 11  | 23205        | Bà Nguyễn Phương Thảo  | 23   | 9         | 1979        | Phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội               | 14                  | 5    | 1     | 2024       |

|    |       |                       |    |    |      |                                                      |    |    |   |      |
|----|-------|-----------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|----|----|---|------|
| 12 | 23206 | Ông Tạ Đình Như       | 21 | 11 | 1994 | Thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh     | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 13 | 23207 | Bà Phan Thị Hồng Thắm | 15 | 12 | 1994 | Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình      | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 14 | 23208 | Ông Hoàng Đức Phương  | 2  | 6  | 1993 | Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 15 | 23209 | Bà Lê Thị Quyên       | 8  | 3  | 1997 | Xã Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An              | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 16 | 23210 | Bà Ngô Thị Kiều Oanh  | 11 | 8  | 1997 | Xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An         | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 17 | 23211 | Ông Nguyễn Gia Mạnh   | 19 | 6  | 1996 | Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội       | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 18 | 23212 | Ông Nguyễn Như Hoàng  | 24 | 3  | 1997 | Xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào                   | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 19 | 23213 | Ông Trương Ngọc Liêu  | 21 | 2  | 1991 | Xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định              | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 20 | 23214 | Ông Trần Hoàng Bách   | 22 | 12 | 1997 | Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 21 | 23215 | Ông Lương Văn Đông    | 22 | 6  | 1997 | Xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên         | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 22 | 23216 | Ông Nguyễn Bá Hưng    | 12 | 5  | 1989 | Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình          | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 23 | 23217 | Ông Nguyễn Thành Luân | 20 | 6  | 1992 | Phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh         | 17 | 5  | 1 | 2024 |
| 24 | 23218 | Ông Trần Thọ Đức      | 10 | 8  | 1987 | Xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh            | 47 | 15 | 1 | 2024 |
| 25 | 23219 | Ông Lê Thanh Phong    | 22 | 2  | 1993 | Xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp    | 47 | 15 | 1 | 2024 |
| 26 | 23220 | Bà Đoàn Thị Tuyết Lan | 2  | 3  | 1984 | Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ    | 47 | 15 | 1 | 2024 |

|    |       |                      |    |    |      |                                                      |    |    |   |      |
|----|-------|----------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|----|----|---|------|
| 27 | 23221 | Ông Nguyễn Minh Tâm  | 30 | 8  | 1984 | Phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ    | 47 | 15 | 1 | 2024 |
| 28 | 23222 | Ông Nguyễn Văn Duyên | 20 | 8  | 1965 | Phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng | 47 | 15 | 1 | 2024 |
| 29 | 23223 | Ông Thân Văn Quang   | 20 | 10 | 1962 | Xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang          | 47 | 15 | 1 | 2024 |
| 30 | 23224 | Ông Nguyễn Duy Đông  | 7  | 2  | 1982 | Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh         | 47 | 15 | 1 | 2024 |
| 31 | 23225 | Bà Lý Thị Bé Sinh    | 1  | 1  | 1984 | Xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang            | 48 | 15 | 1 | 2024 |
| 32 | 23226 | Ông Trương Văn Hùng  | 16 | 3  | 1989 | Xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An           | 48 | 15 | 1 | 2024 |
| 33 | 23227 | Bà Nguyễn Minh Huyền | 10 | 5  | 1997 | Phường Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An       | 48 | 15 | 1 | 2024 |
| 34 | 23228 | Bà Vũ Thị Nhài       | 13 | 10 | 1991 | Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang         | 48 | 15 | 1 | 2024 |
| 35 | 23229 | Ông Dương Tiến Dũng  | 25 | 7  | 1980 | Xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre           | 48 | 15 | 1 | 2024 |
| 36 | 23230 | Bà Lê Thị Duyên      | 9  | 4  | 1974 | Xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh      | 48 | 15 | 1 | 2024 |
| 37 | 23231 | Bà Nguyễn Thị Hương  | 8  | 8  | 1997 | Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc  | 50 | 15 | 1 | 2024 |
| 38 | 23232 | Bà Phan Thị Ngọc Tâm | 6  | 2  | 1996 | Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre            | 50 | 15 | 1 | 2024 |
| 39 | 23233 | Ông Bùi Khắc Duy     | 25 | 12 | 1997 | Xã Thành Thới B, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre      | 50 | 15 | 1 | 2024 |
| 40 | 23234 | Ông Trần Thanh Tùng  | 22 | 10 | 1996 | Phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  | 50 | 15 | 1 | 2024 |
| 41 | 23235 | Bà Nguyễn Thị Nga    | 4  | 6  | 1993 | Phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  | 50 | 15 | 1 | 2024 |

|    |       |                             |    |    |      |                                                       |    |    |   |      |
|----|-------|-----------------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------|----|----|---|------|
| 42 | 23236 | Ông Phạm Quốc Huy           | 13 | 4  | 1991 | Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng         | 50 | 15 | 1 | 2024 |
| 43 | 23237 | Ông Võ Văn Châu             | 6  | 2  | 1979 | Phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh       | 50 | 15 | 1 | 2024 |
| 44 | 23238 | Bà Nguyễn Vũ Lê Giang       | 16 | 2  | 1985 | Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng       | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 45 | 23239 | Ông Nguyễn Trung Hiếu       | 4  | 5  | 1992 | Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng         | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 46 | 23240 | Bà Nguyễn Thị Hồng Trà      | 8  | 12 | 1997 | Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi         | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 47 | 23241 | Bà Phạm Thị Thu Uyên        | 7  | 3  | 1997 | Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi      | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 48 | 23242 | Ông Nguyễn Thành Trung      | 4  | 8  | 1977 | Phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh    | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 49 | 23243 | Bà Thái Thị Cẩm Vân         | 14 | 9  | 1998 | Phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh    | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 50 | 23244 | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng      | 9  | 8  | 1967 | Phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 51 | 23245 | Ông Phạm Viết Hữu           | 10 | 7  | 1966 | Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum   | 62 | 16 | 1 | 2024 |
| 52 | 23246 | Bà Nguyễn Thị Minh Châu     | 21 | 12 | 1997 | Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai           | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 53 | 23247 | Ông Lê Thanh Bình           | 29 | 9  | 1995 | Xã Ia Hlốp, huyện Chư Sê, tỉnh Gia                    | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 54 | 23248 | Ông Đặng Hữu Quý            | 3  | 10 | 1993 | Xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai            | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 55 | 23249 | Ông Nguyễn Trọng Nghĩa      | 26 | 3  | 1991 | Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 56 | 23250 | Ông Nguyễn Trần Minh Trường | 1  | 6  | 1994 | Xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước          | 81 | 22 | 1 | 2024 |

|    |       |                           |    |    |      |                                                      |    |    |   |      |
|----|-------|---------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|----|----|---|------|
| 57 | 23251 | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | 19 | 5  | 1993 | Xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp         | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 58 | 23252 | Bà Lê Bá Thái Quỳnh       | 26 | 6  | 1997 | Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội        | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 59 | 23253 | Bà Lê Thị Phương Thảo     | 11 | 10 | 1967 | Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội    | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 60 | 23254 | Ông Nguyễn Văn Mạnh       | 30 | 6  | 1967 | Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh       | 81 | 22 | 1 | 2024 |
| 61 | 23255 | Ông Lê Hồng Quân          | 18 | 5  | 1990 | Phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 62 | 23256 | Bà Bùi Thị Loan           | 15 | 10 | 1995 | Xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa        | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 63 | 23257 | Ông Đoàn Trọng Đạo        | 2  | 12 | 1996 | Thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên    | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 64 | 23258 | Ông Nguyễn Viết Hoàng Sơn | 22 | 6  | 1996 | Phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội   | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 65 | 23259 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền  | 8  | 12 | 1998 | Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội     | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 66 | 23260 | Bà Hoàng Phương Dung      | 20 | 5  | 1997 | Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình   | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 67 | 23261 | Bà Nguyễn Thùy Linh       | 18 | 12 | 1995 | Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội     | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 68 | 23262 | Bà Thạch Minh Hằng        | 11 | 11 | 1994 | Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội       | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 69 | 23263 | Bà Nguyễn Thị Mai         | 1  | 1  | 1997 | Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An        | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 70 | 23264 | Bà Đỗ Thu Trang           | 5  | 2  | 1985 | Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội      | 83 | 22 | 1 | 2024 |
| 71 | 23265 | Bà Nguyễn Thị Định        | 23 | 2  | 1997 | Phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 83 | 22 | 1 | 2024 |

|    |       |                           |    |    |      |                                                          |     |    |   |      |
|----|-------|---------------------------|----|----|------|----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 72 | 23266 | Bà Nguyễn Hồng Nhung      | 19 | 3  | 1998 | Xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh         | 83  | 22 | 1 | 2024 |
| 73 | 23267 | Ông Nông Văn Thái         | 11 | 9  | 1994 | Thị trấn Pắc Miêu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng          | 83  | 22 | 1 | 2024 |
| 74 | 23268 | Bà Cao Thị Hải            | 13 | 7  | 1998 | Xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc            | 83  | 22 | 1 | 2024 |
| 75 | 23269 | Ông Dương Hoàng Anh       | 4  | 8  | 1994 | Xã Hòa Phú, huyện ứng Hòa, thành phố Hà Nội              | 83  | 22 | 1 | 2024 |
| 76 | 23270 | Ông Đỗ Kỳ Anh             | 24 | 3  | 1997 | Xã Kim Đình, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương             | 83  | 22 | 1 | 2024 |
| 77 | 23271 | Ông Trịnh Hữu Đức         | 2  | 2  | 1997 | Xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa            | 83  | 22 | 1 | 2024 |
| 78 | 23272 | Bà Nguyễn Thị Huyền Trang | 3  | 11 | 1998 | Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình           | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 79 | 23273 | Ông Huỳnh Phan Quốc       | 2  | 9  | 1995 | Xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam              | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 80 | 23274 | Ông Hồ Như Thuyết         | 18 | 11 | 1993 | Phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng        | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 81 | 23275 | Ông Nguyễn Trọng Sang     | 13 | 6  | 1997 | Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam      | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 82 | 23276 | Bà Lê Thị Thúy Nga        | 28 | 6  | 1997 | Xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị        | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 83 | 23277 | Bà Nguyễn Thị Minh Nhó    | 30 | 7  | 1997 | Xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình            | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 84 | 23278 | Ông Lê Tấn Phong          | 28 | 12 | 1977 | Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 85 | 23279 | Ông Trần Đình Hà          | 12 | 12 | 1983 | Phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng          | 101 | 24 | 1 | 2024 |
| 86 | 23280 | Ông Lê Xuân Nam           | 1  | 6  | 1962 | Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh          | 132 | 30 | 1 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                           |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 87  | 23281 | Ông Lưu Văn Hòa           | 26 | 12 | 1979 | Phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh      | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 88  | 23282 | Bà Hà Thị Phương Nhài     | 31 | 8  | 1990 | Phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh    | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 89  | 23283 | Ông Trang Thế Ngọc        | 16 | 1  | 1995 | Xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau               | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 90  | 23284 | Ông Nguyễn Tiến Nguyên    | 16 | 2  | 1995 | Phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi         | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 91  | 23285 | Ông Trần Đình An          | 10 | 1  | 1996 | Xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình        | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 92  | 23286 | Bà Lê Thị Nhã Phương      | 16 | 5  | 1990 | Xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre                | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 93  | 23287 | Ông Lâm Huy Chiêu         | 28 | 2  | 1962 | Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội      | 102 | 24 | 1 | 2024 |
| 94  | 23288 | Ông Trương Nguyễn Văn Hòa | 4  | 10 | 1997 | Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai            | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 95  | 23289 | Bà Nguyễn Thị Thu Thùy    | 8  | 7  | 1995 | Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định            | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 96  | 23290 | Bà Nguyễn Anh Thư         | 22 | 8  | 1998 | Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội   | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 97  | 23291 | Bà Nguyễn Thị Thu         | 1  | 2  | 1979 | Phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội      | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 98  | 23292 | Bà Trần Thị Thúy Hằng     | 27 | 8  | 1996 | Xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội                | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 99  | 23293 | Ông Nguyễn Đức Anh        | 7  | 5  | 1991 | Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh              | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 100 | 23294 | Bà Trần Quỳnh Trang       | 9  | 1  | 1987 | Phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội          | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 101 | 23295 | Ông Nguyễn Tiến Dũng      | 19 | 8  | 1985 | Phường Định Công Thượng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội | 110 | 25 | 1 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                      |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 102 | 23296 | Bà Nguyễn Thị Thương    | 4  | 7  | 1993 | Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 103 | 23297 | Ông Nghiêm Văn Long     | 23 | 7  | 1990 | Xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội       | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 104 | 23298 | Ông Đỗ Khánh Duy        | 20 | 9  | 1998 | Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 105 | 23299 | Ông Vũ Đức Thuận        | 10 | 2  | 1995 | Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 106 | 23300 | Bà Vũ Ngọc Yến          | 11 | 10 | 1996 | Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 107 | 23301 | Ông Nguyễn Phi Khanh    | 16 | 9  | 1996 | Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội        | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 108 | 23302 | Ông Đậu Xuân Thạch      | 17 | 6  | 1965 | Phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội       | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 109 | 23303 | Ông Trần Đức Phong      | 4  | 11 | 1962 | Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội    | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 110 | 23304 | Bà Trần Hồng Vân        | 18 | 10 | 1969 | Phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội      | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 111 | 23305 | Ông Đỗ Văn Hiên         | 1  | 1  | 1963 | Phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai          | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 112 | 23306 | Ông Bùi Đăng Dung       | 22 | 3  | 1963 | Phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng    | 110 | 25 | 1 | 2024 |
| 113 | 23307 | Bà Nguyễn Thị Thùy Lý   | 28 | 8  | 1997 | Phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng   | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 114 | 23308 | Bà Nguyễn Thị Hải Nhi   | 7  | 6  | 1996 | Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng  | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 115 | 23309 | Bà Võ Thị Cẩm Giang     | 8  | 3  | 1995 | Phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng     | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 116 | 23310 | Bà Nguyễn Thị Bích Diệu | 21 | 9  | 1997 | Xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam         | 111 | 25 | 1 | 2024 |



|     |       |                       |    |    |      |                                                             |     |    |   |      |
|-----|-------|-----------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 117 | 23311 | Ông Trương Văn Linh   | 10 | 8  | 1995 | Xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình              | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 118 | 23312 | Bà Lý Kỳ Duyên        | 21 | 6  | 1997 | Phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng            | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 119 | 23313 | Bà Huỳnh Thị Thảo     | 1  | 4  | 1994 | Xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng                  | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 120 | 23314 | Bà Huỳnh Thị Nguyệt   | 15 | 4  | 1979 | Phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa             | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 121 | 23315 | Bà Huỳnh Thị Hồng Thu | 27 | 12 | 1972 | Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu                 | 111 | 25 | 1 | 2024 |
| 122 | 23316 | Ông Cao Thanh Luân    | 29 | 7  | 1997 | Xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang             | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 123 | 23317 | Ông Trần Bảo Anh      | 27 | 2  | 1998 | Xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh         | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 124 | 23318 | Ông Lê Thành Duy      | 21 | 6  | 1995 | Phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương       | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 125 | 23319 | Bà Trần Thị Anh Thu   | 6  | 4  | 1994 | Phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương       | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 126 | 23320 | Ông Phan Thái Dũng    | 8  | 9  | 1960 | Xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An                   | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 127 | 23321 | Ông Hoàng Văn Mẫu     | 28 | 11 | 1962 | Xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ                  | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 128 | 23322 | Ông Bùi Đức Phúc      | 6  | 1  | 1979 | Phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 129 | 23323 | Bà Vũ Thị Nhung       | 26 | 12 | 1967 | Phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên   | 112 | 25 | 1 | 2024 |
| 130 | 23324 | Ông Lê Trường Hải     | 28 | 12 | 1992 | Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                     | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 131 | 23325 | Bà Vũ Thị Ngọc Kiều   | 5  | 11 | 1985 | Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh               | 133 | 30 | 1 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                           |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 132 | 23326 | Bà Vũ Thị Kiều Oanh     | 29 | 8  | 1998 | Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum           | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 133 | 23327 | Ông Trần Vũ Huy Sơn     | 22 | 6  | 1991 | Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh          | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 134 | 23328 | Bà Nguyễn Thị Tú        | 3  | 10 | 1997 | Xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An                 | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 135 | 23329 | Bà Đinh Thị Tuyết       | 10 | 8  | 1993 | Xã Ia Sao, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai                    | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 136 | 23330 | Bà Trần Tiểu Ny         | 12 | 6  | 1997 | Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 137 | 23331 | Bà Hà Thị Ngọc Chinh    | 3  | 4  | 1995 | Phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông      | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 138 | 23332 | Bà Trần Cảnh Hiền       | 20 | 6  | 1994 | Thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị         | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 139 | 23333 | Bà Lê Tùng Anh          | 8  | 9  | 1995 | Phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 140 | 23334 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Lang | 24 | 11 | 1979 | Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh           | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 141 | 23335 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Uyên | 1  | 3  | 1996 | Xã Chư á, thành phố Pleiku, tỉnh Gia                      | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 142 | 23336 | Bà Lê Thị Thanh         | 26 | 5  | 1995 | Xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh                 | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 143 | 23337 | Bà Đặng Thị Ngọc Như    | 28 | 4  | 1997 | Phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 144 | 23338 | Bà Võ Thị Ngọc Chinh    | 26 | 4  | 1997 | Xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng                 | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 145 | 23339 | Bà Nguyễn Hoàng Thúy Vi | 20 | 8  | 1988 | Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh         | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 146 | 23340 | Ông Khương Duy          | 20 | 12 | 1984 | Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh           | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 147 | 23341 | Bà Phan Thị Hạnh Quyên  | 3  | 8  | 1995 | Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 133 | 30 | 1 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                      |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 148 | 23342 | Ông Nguyễn Giang Sơn    | 5  | 8  | 1993 | Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh              | 133 | 30 | 1 | 2024 |
| 149 | 23343 | Ông Lương Văn Lịch      | 16 | 3  | 1963 | Phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng    | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 150 | 23344 | Ông Nguyễn Văn Diện     | 26 | 4  | 1979 | Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long          | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 151 | 23345 | Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | 22 | 6  | 1967 | Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh    | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 152 | 23346 | Bà Nguyễn Thị Hà        | 20 | 9  | 1967 | Xã Thanh An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị            | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 153 | 23347 | Ông Nguyễn Lưu Quang    | 13 | 7  | 1984 | Phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 154 | 23348 | Bà Phạm Ngọc Phụng      | 4  | 11 | 1996 | Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng            | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 155 | 23349 | Bà Nguyễn Minh Ngọc     | 28 | 9  | 1993 | Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh    | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 156 | 23350 | Ông Nguyễn Đình Giang   | 1  | 1  | 1988 | Xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An            | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 157 | 23351 | Bà Vũ Thị Thương Thương | 17 | 2  | 1995 | Xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk               | 155 | 2  | 2 | 2024 |
| 158 | 23352 | Ông Nguyễn Văn Sĩ       | 1  | 2  | 1989 | Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương        | 174 | 16 | 2 | 2024 |
| 159 | 23353 | Ông Phạm Hồng Thơm      | 20 | 2  | 1963 | Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi      | 174 | 16 | 2 | 2024 |
| 160 | 23354 | Ông Nguyễn Mạnh Cường   | 29 | 7  | 1976 | Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh       | 174 | 16 | 2 | 2024 |
| 161 | 23355 | Ông Trần Hồng Sơn       | 3  | 3  | 1963 | Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình    | 174 | 16 | 2 | 2024 |
| 162 | 23356 | Bà Phạm Thị Hồng Nhung  | 16 | 1  | 1991 | Phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  | 177 | 16 | 2 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                           |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 163 | 23357 | Ông Nguyễn Thái Học     | 14 | 3  | 1996 | Xã Quảng Tín, huyện Đăk R'láp, tỉnh Đăk Nông              | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 164 | 23358 | Bà Huỳnh Thị Mừng       | 2  | 8  | 1997 | Xã Ia Blứ, huyện Chư Pứh, tỉnh Gia                        | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 165 | 23359 | Bà Nguyễn Thị Thu Hoài  | 15 | 2  | 1998 | Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị           | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 166 | 23360 | Ông Trần Hoàng Hải      | 20 | 8  | 1991 | Phường Nguyễn Khiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi      | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 167 | 23361 | Bà Lê Khánh Ly          | 2  | 9  | 1996 | Phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng       | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 168 | 23362 | Ông Lê Văn Lợi          | 28 | 7  | 1992 | Xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam               | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 169 | 23363 | Ông Trần Khánh Vân      | 23 | 9  | 1977 | Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng       | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 170 | 23364 | Bà Thái Thị Thùy Thương | 2  | 9  | 1998 | Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam         | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 171 | 23365 | Bà Nguyễn Thị Thủy      | 30 | 6  | 1993 | Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai            | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 172 | 23366 | Ông Nguyễn Văn Nam      | 4  | 2  | 1963 | Phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | 177 | 16 | 2 | 2024 |
| 173 | 23367 | Ông Nguyễn Văn Điền     | 20 | 2  | 1983 | Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                   | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 174 | 23368 | Bà Nguyễn Thị Thoan     | 3  | 12 | 1998 | Xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh                | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 175 | 23369 | Ông Lưu Văn Sáng        | 16 | 8  | 1996 | Xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh                 | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 176 | 23370 | Ông Bùi Văn Đại         | 27 | 2  | 1996 | Xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng                | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 177 | 23371 | Bà Đoàn Thị Diễm Trinh  | 29 | 2  | 1996 | Xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang            | 178 | 16 | 2 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                             |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 178 | 23372 | Bà Đỗ Lan Chi             | 24 | 12 | 1995 | Phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ            | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 179 | 23373 | Bà Nghiêm Thị Lượng       | 20 | 8  | 1967 | Phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh          | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 180 | 23374 | Ông Đỗ Song Phụng         | 13 | 3  | 1965 | Phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng       | 178 | 16 | 2 | 2024 |
| 181 | 23375 | Ông Nguyễn Thanh Tú       | 14 | 6  | 1997 | Phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước        | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 182 | 23376 | Bà Nguyễn Thị Bích Ly     | 29 | 4  | 1995 | Xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên                  | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 183 | 23377 | Bà Thái Thị Nhung         | 15 | 9  | 1991 | Phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương      | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 184 | 23378 | Ông Từ Văn Nhân           | 10 | 8  | 1973 | Phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 185 | 23379 | Ông Phạm Đình Nguyên      | 23 | 7  | 1996 | Xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh                     | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 186 | 23380 | Ông Ngô Công Hậu          | 2  | 8  | 1995 | Thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương      | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 187 | 23381 | Ông Đào Nguyễn Minh Quyền | 9  | 7  | 1995 | Phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương       | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 188 | 23382 | Ông Vũ Minh Lượng         | 12 | 2  | 1961 | Phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định           | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 189 | 23383 | Ông Trần Toàn Thắng       | 18 | 8  | 1964 | Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau    | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 190 | 23384 | Ông Đặng Văn Khoa         | 10 | 10 | 1962 | Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương     | 253 | 29 | 2 | 2024 |
| 191 | 23385 | Bà Nguyễn Thị Thanh       | 18 | 6  | 1996 | Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi              | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 192 | 23386 | Bà Trương Thị Quỳnh Giang | 27 | 11 | 1992 | Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh       | 251 | 29 | 2 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                             |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 193 | 23387 | Ông Trần Nghiêm Công Minh | 8  | 5  | 1996 | Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh              | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 194 | 23388 | Bà Lê Thị Ngọc Hân        | 24 | 1  | 1986 | Phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai          | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 195 | 23389 | Bà Nguyễn Thị Kim Tiền    | 21 | 12 | 1984 | Xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương                | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 196 | 23390 | Ông Trương Minh Phát      | 1  | 7  | 1996 | Phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai       | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 197 | 23391 | Bà Thái Hoàng Yên         | 28 | 4  | 1990 | Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh              | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 198 | 23392 | Ông Phạm Ngọc Thuận       | 14 | 4  | 1994 | Phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai               | 251 | 29 | 2 | 2024 |
| 199 | 23393 | Ông Viên Đình Trung       | 3  | 1  | 1998 | Xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa             | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 200 | 23394 | Ông Nguyễn Tiến Hào       | 3  | 9  | 1972 | Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 201 | 23395 | Bà Trần Phương Hà         | 22 | 7  | 1995 | Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam               | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 202 | 23396 | Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm   | 9  | 1  | 1984 | Phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội       | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 203 | 23397 | Bà Nguyễn Thị Nhật Lệ     | 15 | 1  | 1998 | Xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang                  | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 204 | 23398 | Ông Nguyễn Bảo Khánh      | 14 | 3  | 1996 | Xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội          | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 205 | 23399 | Bà Nguyễn Thị Hằng        | 17 | 1  | 1993 | Xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội               | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 206 | 23400 | Bà Kiều Thị Thu Hương     | 11 | 1  | 1999 | Phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội         | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 207 | 23401 | Bà Nguyễn Thúy Vi         | 7  | 9  | 1992 | Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội        | 250 | 29 | 2 | 2024 |

|     |       |                        |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 208 | 23402 | Bà Đỗ Thị Hồng         | 3  | 4  | 1994 | Xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình             | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 209 | 23403 | Ông Nguyễn Thiện Khiêm | 22 | 10 | 1997 | Xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội          | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 210 | 23404 | Ông Trịnh Minh Trí     | 26 | 10 | 1997 | Phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 211 | 23405 | Ông Nguyễn Quốc Hương  | 24 | 10 | 1984 | Thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ     | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 212 | 23406 | Bà Trịnh Thị Thùy Linh | 11 | 2  | 1992 | Xã Hoảng Đạo, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa           | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 213 | 23407 | Bà Nguyễn Thị Quỳnh    | 4  | 2  | 1994 | Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh         | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 214 | 23408 | Ông Đỗ Văn Thắng       | 11 | 1  | 1987 | Xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam                 | 250 | 29 | 2 | 2024 |
| 215 | 23409 | Ông Nguyễn Hồng Dương  | 27 | 4  | 1987 | Phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội      | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 216 | 23410 | Ông Từ Xuân Cẩn        | 18 | 12 | 1997 | Xã Hương Minh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh             | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 217 | 23411 | Bà Nguyễn Thị Thuận    | 11 | 11 | 1997 | Xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi            | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 218 | 23412 | Bà Trịnh Thu Thủy      | 10 | 7  | 1994 | Xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội         | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 219 | 23413 | Ông Đỗ Như Hưng        | 19 | 10 | 1997 | Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh         | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 220 | 23414 | Bà Đào Vân Anh         | 26 | 9  | 1997 | Phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh     | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 221 | 23415 | Ông Lê Tùng Lâm        | 22 | 11 | 1995 | Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội   | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 222 | 23416 | Ông Nguyễn Hoàng Minh  | 14 | 1  | 1998 | Phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La       | 252 | 29 | 2 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                     |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 223 | 23417 | Ông Nguyễn Đức Trung    | 15 | 4  | 1998 | Phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 224 | 23418 | Bà Phạm Thị Hạ Vân      | 4  | 7  | 1998 | Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội   | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 225 | 23419 | Bà Nguyễn Hà Anh        | 20 | 7  | 1997 | Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 226 | 23420 | Bà Trần Thị Kim Xuyên   | 8  | 2  | 1996 | Xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa         | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 227 | 23421 | Bà Hoàng Thị Phương     | 9  | 2  | 1997 | Xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng     | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 228 | 23422 | Ông Lê Nguyên Tuấn Anh  | 19 | 7  | 1995 | Xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa         | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 229 | 23423 | Bà Đinh Thị Ngọc Huyền  | 1  | 1  | 1995 | Phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội    | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 230 | 23424 | Ông Ngô Tiến Đức        | 25 | 9  | 1988 | Xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình        | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 231 | 23425 | Ông Phan Tiến Mừng      | 21 | 1  | 1998 | Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên       | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 232 | 23426 | Bà Vũ Thùy Dương        | 29 | 10 | 1998 | Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội     | 252 | 29 | 2 | 2024 |
| 233 | 23427 | Bà Trần Thị Quỳnh Trang | 8  | 8  | 1995 | Xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên           | 279 | 1  | 3 | 2024 |
| 234 | 23428 | Bà Đồng Minh Hằng       | 1  | 6  | 1996 | Xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông          | 279 | 1  | 3 | 2024 |
| 235 | 23429 | Bà Phạm Thị Hoàng Oanh  | 13 | 9  | 1998 | Thị trấn Kiến Đức, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông   | 279 | 1  | 3 | 2024 |
| 236 | 23430 | Bà Đỗ Phương Dung       | 2  | 5  | 1994 | Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh         | 279 | 1  | 3 | 2024 |
| 237 | 23431 | Bà Nguyễn Thị Vân Anh   | 14 | 10 | 1995 | Thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai       | 279 | 1  | 3 | 2024 |



|     |       |                        |    |    |      |                                                        |     |   |   |      |
|-----|-------|------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 238 | 23432 | Ông Lê Phước Thanh     | 6  | 1  | 1963 | Phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 239 | 23433 | Bà Dương Thị Hồng Minh | 1  | 9  | 1967 | Phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 240 | 23434 | Ông Lâm Đức Tài        | 18 | 11 | 1988 | Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh      | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 241 | 23435 | Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | 5  | 8  | 1964 | Phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 242 | 23436 | Bà Nguyễn Thị Hiền     | 5  | 3  | 1995 | Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An         | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 243 | 23437 | Ông Trần Thanh Tùng    | 19 | 5  | 1994 | Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội       | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 244 | 23438 | Bà Tẩn Thị Thảo        | 7  | 7  | 1997 | Xã Lâm Giang, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái              | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 245 | 23439 | Ông Nguyễn Đại Phong   | 7  | 5  | 1992 | Phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 246 | 23440 | Bà Nguyễn Thị Hương    | 2  | 9  | 1995 | Thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang        | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 247 | 23441 | Bà Lưu Thị Thanh Hương | 29 | 4  | 1986 | Phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội        | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 248 | 23442 | Ông Bùi Văn Chung      | 4  | 7  | 1997 | Xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình              | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 249 | 23443 | Bà Phan Ngân Anh       | 4  | 6  | 1996 | Phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội      | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 250 | 23444 | Ông Phạm Ngọc Dũng     | 16 | 7  | 1979 | Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 251 | 23445 | Bà Trần Thị Huệ        | 26 | 7  | 1996 | Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam            | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 252 | 23446 | Ông Nguyễn Đức Quang   | 14 | 4  | 1995 | Xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội        | 271 | 1 | 3 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                          |     |   |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|----------------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 253 | 23447 | Ông Lê Hồng Kỳ            | 27 | 12 | 1966 | Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội     | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 254 | 23448 | Ông Nguyễn Đức Phong      | 6  | 1  | 1998 | Phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng   | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 255 | 23449 | Bà Lê Võ Thủy Tiên        | 12 | 12 | 1997 | Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội         | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 256 | 23450 | Bà Nguyễn Thị Thu Thủy    | 17 | 8  | 1981 | Phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội      | 271 | 1 | 3 | 2024 |
| 257 | 23451 | Bà Nguyễn Thị Kim Anh     | 1  | 2  | 1997 | Xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp             | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 258 | 23452 | Bà Nguyễn Thị Hồng Phiên  | 17 | 1  | 1995 | Xã Tân An Hội, huyện Mang Thút, tỉnh Vĩnh Long           | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 259 | 23453 | Bà Vũ Thị Oanh            | 7  | 1  | 1987 | Xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình               | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 260 | 23454 | Ông Trần Đức Tín          | 10 | 6  | 1992 | Xã Long Hải, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận              | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 261 | 23455 | Ông Đỗ Văn Huyền          | 20 | 4  | 1996 | Xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình           | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 262 | 23456 | Bà Trương Bích Thủy       | 20 | 1  | 1994 | Xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận               | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 263 | 23457 | Ông Nguyễn Phước Bửu Hùng | 22 | 12 | 1962 | Phường Gia Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế       | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 264 | 23458 | Bà Nguyễn Thị Chinh       | 30 | 10 | 1967 | Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa      | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 265 | 23459 | Ông Nguyễn Văn Loan       | 11 | 9  | 1960 | Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang     | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 266 | 23460 | Ông Nguyễn Quang Cảnh     | 18 | 9  | 1977 | Phường Thành Nhất, thành phố Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk | 278 | 1 | 3 | 2024 |
| 267 | 23461 | Ông Trần Đông Hồ          | 15 | 10 | 1994 | Xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà                       | 279 | 1 | 3 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                        |     |   |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 268 | 23462 | Bà Nguyễn Thị Huyền      | 20 | 1  | 1993 | Xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng     | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 269 | 23463 | Ông Lê Đức Anh Thắng     | 20 | 11 | 1997 | Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 270 | 23464 | Ông Nguyễn Duy Hiên      | 28 | 4  | 1997 | Xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An            | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 271 | 23465 | Bà Trịnh Thị Phương      | 13 | 9  | 1998 | Xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình              | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 272 | 23466 | Ông Võ Quốc An           | 19 | 8  | 1997 | Xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long           | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 273 | 23467 | Ông Nguyễn Tấn Hơ        | 16 | 11 | 1995 | Xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên                | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 274 | 23468 | Ông Lê Vũ Hồng Khải      | 9  | 3  | 1963 | Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp           | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 275 | 23469 | Bà Nguyễn Thị Thu Hà     | 14 | 10 | 1967 | Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị            | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 276 | 23470 | Ông Nguyễn Văn Chung     | 1  | 1  | 1968 | Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang           | 279 | 1 | 3 | 2024 |
| 277 | 23471 | Bà Nguyễn Thị Phương Anh | 13 | 7  | 1997 | Xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa            | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 278 | 23472 | Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 22 | 5  | 1996 | Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam    | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 279 | 23473 | Bà Đoàn Thị Thu Thủy     | 14 | 11 | 1995 | Phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội      | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 280 | 23474 | Bà Nguyễn Thị Thảo       | 9  | 8  | 1995 | Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương            | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 281 | 23475 | Bà Ngô Ngọc Mai          | 24 | 8  | 1998 | Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương        | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 282 | 23476 | Bà Phan Thị Phương       | 16 | 9  | 1995 | Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng      | 309 | 7 | 3 | 2024 |

|     |       |                        |    |    |      |                                                     |     |   |   |      |
|-----|-------|------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 283 | 23477 | Bà Nguyễn Thu Huyền    | 9  | 10 | 1997 | Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên       | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 284 | 23478 | Bà Lê Hồng Hạnh        | 5  | 1  | 1991 | Phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội    | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 285 | 23479 | Bà Dương Thùy Linh     | 16 | 7  | 1996 | Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình   | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 286 | 23480 | Ông Nguyễn Văn Hưng    | 8  | 11 | 1979 | Phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội    | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 287 | 23481 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | 11 | 4  | 1997 | Phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 288 | 23482 | Bà Hoàng Thị Lan       | 22 | 10 | 1995 | Xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang        | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 289 | 23483 | Bà Nguyễn Nhật ánh     | 8  | 12 | 1992 | Xã Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương              | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 290 | 23484 | Bà Phạm Thị Ngọc ánh   | 19 | 8  | 1997 | Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương          | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 291 | 23485 | Ông Nguyễn Văn Đán     | 28 | 5  | 1993 | Xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên   | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 292 | 23486 | Bà Đỗ Minh Ngọc        | 28 | 9  | 1997 | Phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 293 | 23487 | Bà Nguyễn Thị Linh Chi | 19 | 10 | 1995 | Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương         | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 294 | 23488 | Bà Ngô Khánh Linh      | 12 | 11 | 1997 | Phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh   | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 295 | 23489 | Bà Ngô Thị Kiều Oanh   | 18 | 6  | 1996 | Xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình           | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 296 | 23490 | Bà Bùi Thị Minh Phương | 27 | 8  | 1996 | Xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương          | 309 | 7 | 3 | 2024 |
| 297 | 23491 | Bà Nguyễn Thị Hương    | 11 | 3  | 1994 | Phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội      | 309 | 7 | 3 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                        |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 298 | 23492 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền | 1  | 7  | 1997 | Xã Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                 | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 299 | 23493 | Ông Tạ Duy Anh           | 3  | 12 | 1988 | Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh        | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 300 | 23494 | Bà Phạm Thị Giang        | 30 | 1  | 1997 | Xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng      | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 301 | 23495 | Ông Lê Thi Ân            | 27 | 4  | 1995 | Phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội     | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 302 | 23496 | Bà Bùi Thị Thu           | 10 | 5  | 1992 | Phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội    | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 303 | 23497 | Bà Đỗ Minh Anh           | 3  | 6  | 1998 | Thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh       | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 304 | 23498 | Ông Nguyễn Trí Ngọc      | 1  | 2  | 1990 | Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội       | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 305 | 23499 | Ông Nguyễn Xuân Quốc     | 5  | 11 | 1997 | Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai            | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 306 | 23500 | Bà Lưu Khánh Huyền       | 19 | 11 | 1995 | Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình       | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 307 | 23501 | Bà Trần Cao Ái Vy        | 29 | 5  | 1993 | Phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương | 309 | 7  | 3 | 2024 |
| 308 | 23502 | Ông Phan Thắng Trực      | 06 | 11 | 1994 | Xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định             | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 309 | 23503 | Ông Võ Hoàng Khang       | 02 | 7  | 1996 | Xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 310 | 23504 | Ông Trần Quốc Khải       | 09 | 3  | 1992 | Phường Tân An, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận            | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 311 | 23505 | Ông Nguyễn Quang Bảo     | 21 | 7  | 1992 | Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh         | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 312 | 23506 | Bà Nguyễn Nhật Lệ        | 07 | 10 | 1997 | Xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên              | 332 | 11 | 3 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                   |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|-----------------------------------|-----|----|---|------|
| 313 | 23507 | Ông Trần Trung Kiên      | 03 | 6  | 1988 | Xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 314 | 23508 | Ông Châu Minh Khoa       | 01 | 4  | 1996 | Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 315 | 23509 | Bà Võ Quế Hương          | 14 | 8  | 1994 | Châu, tỉnh Sóc Trăng              | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 316 | 23510 | Bà Lê Đặng Phương Linh   | 28 | 5  | 1996 | Phường Hiệp Tân, quận Tân Phú,    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 317 | 23511 | Ông Đỗ Hoàng Long        | 04 | 4  | 1997 | Thành phố Hồ Chí Minh             | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 318 | 23512 | Bà Hồ Thị Kim Chi        | 20 | 9  | 1997 | Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ  | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 319 | 23513 | Bà Nguyễn Đàm Phương Anh | 12 | 7  | 1997 | Chí Minh                          | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 320 | 23514 | Bà Lê Thị Thanh Tâm      | 06 | 6  | 1992 | Phường Tân An, thành phố Hội An,  | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 321 | 23515 | Bà Trương Thị Thủy Tiên  | 03 | 02 | 1992 | tỉnh Quảng Nam                    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 322 | 23516 | Bà Phan Ngọc Bảo Thoa    | 15 | 5  | 1995 | Xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh  | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 323 | 23517 | Ông Lê Quốc Duy          | 05 | 10 | 1997 | Bình Thuận                        | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 324 | 23518 | Ông Nguyễn Văn Đức       | 02 | 01 | 1998 | Phường Tân Thới Hòa, quận Tân     | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 325 | 23519 | Bà Trần Đặng Hoàng Ngân  | 04 | 5  | 1990 | Phú, Thành phố Hồ Chí Minh        | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 326 | 23520 | Bà Võ Đình Thảo Nguyên   | 24 | 10 | 1986 | Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ   | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 327 | 23521 | Ông Phạm Thanh Huy       | 14 | 6  | 1995 | Chí Minh                          | 332 | 11 | 3 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                               |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 328 | 23522 | Bà Đỗ Thị Hoàng Anh     | 01 | 01 | 1997 | Phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                   | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 329 | 23523 | Bà Đỗ Phương Anh        | 11 | 9  | 1996 | Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                       | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 330 | 23524 | Bà Trần Lê Gia Bảo      | 30 | 8  | 1996 | Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh                      | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 331 | 23525 | Ông Phạm Thế Anh        | 24 | 3  | 1990 | Phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương              | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 332 | 23526 | Bà Nguyễn Hồng Hạnh     | 03 | 8  | 1997 | Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình                 | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 333 | 23527 | Bà Nguyễn Thị Hoa       | 27 | 12 | 1998 | Xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông                    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 334 | 23528 | Bà Nguyễn Phúc Hậu      | 05 | 9  | 1994 | Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                       | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 335 | 23529 | Ông Nguyễn Văn Hiên     | 28 | 7  | 1989 | Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An                     | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 336 | 23530 | Bà Nguyễn Thị Lan Hương | 11 | 9  | 1978 | Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 337 | 23531 | Bà Bùi Thị Thanh Huyền  | 24 | 6  | 1996 | Xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông                      | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 338 | 23532 | Bà Bùi Thị Yến Trinh    | 20 | 11 | 1996 | Thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước            | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 339 | 23533 | Bà Châu Ngọc Bích Trâm  | 27 | 4  | 1990 | Phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 340 | 23534 | Ông Nguyễn Trọng Quỳnh  | 17 | 9  | 1998 | Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng                 | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 341 | 23535 | Bà Lê Thị Thu Phương    | 10 | 10 | 1995 | Xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk                    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 342 | 23536 | Bà Lê Thị Trúc Phương   | 21 | 7  | 1997 | Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau                       | 332 | 11 | 3 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 343 | 23537 | Bà Lê Ngọc Nguyên Phương  | 07 | 12 | 1995 | Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 344 | 23538 | Bà Huỳnh Châu Pha         | 17 | 4  | 1998 | Phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang   | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 345 | 23539 | Bà Bùi Thị Ánh Tuyết      | 16 | 5  | 1996 | Xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang             | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 346 | 23540 | Ông Nguyễn Hữu Anh Tuấn   | 30 | 12 | 1984 | Phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 347 | 23541 | Bà Nguyễn Trương Bảo Uyên | 03 | 6  | 1997 | Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 348 | 23542 | Bà Hồ Thị Thanh Trúc      | 03 | 11 | 1997 | Xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An          | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 349 | 23543 | Bà Lê Hiền Thom           | 25 | 8  | 1996 | Phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước      | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 350 | 23544 | Bà Quách Thị Mộng Hiền    | 26 | 10 | 1975 | Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh           | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 351 | 23545 | Bà Nguyễn Phương Liên     | 08 | 6  | 1997 | Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh         | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 352 | 23546 | Bà Nguyễn Thị Cẩm Phương  | 23 | 10 | 1997 | Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh         | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 353 | 23547 | Bà Võ Ngọc Á Tiên         | 29 | 5  | 1996 | Xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp              | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 354 | 23548 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu   | 28 | 3  | 1996 | Xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang              | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 355 | 23549 | Bà Phạm Thị Phương Thanh  | 13 | 5  | 1996 | Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 356 | 23550 | Bà Nguyễn Thị Xuân Hương  | 07 | 02 | 1997 | Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 357 | 23551 | Bà Trần Mỹ Linh           | 06 | 11 | 1997 | Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận   | 332 | 11 | 3 | 2024 |



|     |       |                         |    |    |      |                                                                  |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 358 | 23552 | Ông Phạm Kiến Quốc Dũng | 10 | 01 | 1979 | Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh        | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 359 | 23553 | Bà Nguyễn Ngọc Châu     | 22 | 4  | 1997 | Xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận                       | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 360 | 23554 | Ông Võ Hoàng Châu       | 02 | 02 | 1974 | Phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình           | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 361 | 23555 | Bà Phùng Thị Luyện      | 12 | 5  | 1994 | Xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk                        | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 362 | 23556 | Ông Phan Trung Việt     | 26 | 01 | 1986 | Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh                    | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 363 | 23557 | Ông Khuru Hồng Linh     | 25 | 01 | 1998 | Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                   | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 364 | 23558 | Bà Nguyễn Khánh Ngọc    | 15 | 6  | 1997 | Phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang              | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 365 | 23559 | Bà Nguyễn Khánh Linh    | 02 | 9  | 1996 | Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh           | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 366 | 23560 | Bà Nguyễn Thị Thu Hương | 05 | 5  | 1976 | Phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 367 | 23561 | Ông Trần Minh Pháp      | 20 | 11 | 1996 | Xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai                        | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 368 | 23562 | Ông Nguyễn Thành Trung  | 02 | 01 | 1991 | Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 332 | 11 | 3 | 2024 |
| 369 | 23563 | Bà Nguyễn Thị Yến       | 10 | 01 | 1997 | Xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An                      | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 370 | 23564 | Bà Trần Đào Thúy Ngọc   | 09 | 5  | 1995 | Phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ                | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 371 | 23565 | Bà Hứa Hải Yến          | 11 | 02 | 1993 | Phường Đăng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng                | 333 | 12 | 3 | 2024 |

|     |       |                        |    |    |      |                                                            |     |    |   |      |
|-----|-------|------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 372 | 23566 | Bà Nguyễn Thiện Lợi    | 09 | 12 | 1996 | Phường Lộc Thọ, thành phố<br>Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 373 | 23567 | Ông Ngô Đình Quốc      | 12 | 10 | 1994 | Phường Thanh Hải, thành phố<br>Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 374 | 23568 | Ông Phan Linh Cường    | 07 | 7  | 1987 | Xã Thanh Phú, huyện Bến Lức,<br>tỉnh Long An               | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 375 | 23569 | Bà Lê Nguyễn Thảo Vi   | 24 | 11 | 1991 | Xã Suối Hiệp, huyện Diên<br>Khánh, tỉnh Khánh Hòa          | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 376 | 23570 | Ông Trần Lê Anh Kiệt   | 01 | 01 | 1989 | Phường Ngọc Hiệp, thành phố<br>Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa   | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 377 | 23571 | Bà Huỳnh Thị Tín       | 30 | 7  | 1967 | Xã Diên Điền, huyện Diên<br>Khánh, tỉnh Khánh Hòa          | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 378 | 23572 | Ông Nguyễn Ngọc Trí    | 03 | 10 | 1983 | Xã Bình Thuận, huyện Bình<br>Sơn, tỉnh Quảng Ngãi          | 333 | 12 | 3 | 2024 |
| 379 | 23573 | Bà Nguyễn Thị Huyền    | 16 | 01 | 1996 | Xã Cao Ngạn, thành phố Thái<br>Nguyên, tỉnh Thái Nguyên    | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 380 | 23574 | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | 26 | 11 | 1992 | Thị trấn Rạng Đông, huyện<br>Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định     | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 381 | 23575 | Bà Nguyễn Thị Yên      | 20 | 7  | 1992 | Xã Chính Lý, huyện Lý Nhân,<br>tỉnh Hà Nam                 | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 382 | 23576 | Ông Phạm Duy           | 12 | 9  | 1993 | Phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây,<br>thành phố Hà Nội         | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 383 | 23577 | Ông Hoàng Đức Long     | 03 | 01 | 1993 | Phường Hoàng Liệt, quận<br>Hoàng Mai, thành phố Hà Nội     | 334 | 12 | 3 | 2024 |

|     |       |                            |    |    |      |                                                          |     |    |   |      |
|-----|-------|----------------------------|----|----|------|----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 384 | 23578 | Bà Lê Thị Trang            | 22 | 11 | 1997 | Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa               | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 385 | 23579 | Bà Hà Diệu Linh            | 27 | 12 | 1998 | Phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 386 | 23580 | Bà Trần Mai Hương          | 12 | 8  | 1996 | Thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ            | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 387 | 23581 | Ông Mai Anh Hiếu           | 26 | 11 | 1993 | Phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội        | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 388 | 23582 | Bà Nguyễn Thị Hải Chi      | 04 | 9  | 1978 | Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội        | 334 | 12 | 3 | 2024 |
| 389 | 23583 | Bà Phạm Ngọc Minh Anh      | 24 | 5  | 1997 | Phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh      | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 390 | 23584 | Ông Dương Thanh Bảo        | 05 | 9  | 1997 | Phường Ba Đình, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá      | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 391 | 23585 | Bà Nguyễn Thị Thu Diệu     | 19 | 10 | 1997 | Xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận            | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 392 | 23586 | Bà Nguyễn Thị Dung         | 05 | 11 | 1996 | Xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng                 | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 393 | 23587 | Bà Nguyễn Thị Thùy Dương   | 13 | 3  | 1997 | Xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An                | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 394 | 23588 | Ông Nguyễn Thái Bình Dương | 10 | 8  | 1998 | Phường Hòa Hiệp Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên       | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 395 | 23589 | Bà Nguyễn Thanh Hà         | 08 | 6  | 1988 | Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp             | 351 | 14 | 3 | 2024 |

|     |       |                                |    |    |      |                                                                        |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 396 | 23590 | Ông Nguyễn Hải Hà              | 19 | 01 | 1995 | Phường Tân Lập, thành phố<br>Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                 | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 397 | 23591 | Ông Huỳnh Công Hậu             | 26 | 01 | 1994 | Phường Vĩnh Phú, thành phố<br>Thuận An, tỉnh Bình Dương                | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 398 | 23592 | Ông Nguyễn Văn Hiệp            | 22 | 7  | 1997 | Xã Thanh Lương, thị xã Bình<br>Long, tỉnh Bình Phước                   | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 399 | 23593 | Ông Nguyễn Xuân Hiếu           | 28 | 4  | 1995 | Thị trấn Ea Drăng, huyện Ea<br>H'leo, tỉnh Đắk Lắk                     | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 400 | 23594 | Ông Phạm Trung Huỳnh           | 26 | 10 | 1994 | Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã<br>Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi               | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 401 | 23595 | Bà Nguyễn Hoàng Tuyết<br>Khanh | 24 | 12 | 1994 | Phường 12, quận Gò Vấp,<br>Thành phố Hồ Chí Minh                       | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 402 | 23596 | Ông Nguyễn Duy Khánh           | 19 | 7  | 1995 | Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia<br>Mập, tỉnh Bình Phước                     | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 403 | 23597 | Ông Nguyễn Vũ Kiên             | 07 | 3  | 1997 | Phường Bình Hưng Hòa B,<br>quận Bình Tân, Thành phố Hồ<br>Chí Minh     | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 404 | 23598 | Ông Nguyễn Phan Hùng<br>Kiệt   | 02 | 01 | 1996 | Phường Châu Phú B, thành phố<br>Châu Đốc, tỉnh An Giang                | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 405 | 23599 | Bà Phạm Thị Mỹ Linh            | 12 | 02 | 1997 | Thị trấn nông trường Việt<br>Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh<br>Quảng Bình | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 406 | 23600 | Bà Mai Thị Loan                | 29 | 5  | 1995 | Phường 13, Quận 5, Thành phố<br>Hồ Chí Minh                            | 351 | 14 | 3 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                                    |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 407 | 23601 | Bà Trần Thị Thùy Loan     | 07 | 6  | 1983 | Phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh              | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 408 | 23602 | Bà Nguyễn Thị Mai         | 20 | 6  | 1995 | Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi                        | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 409 | 23603 | Ông Nguyễn Quang Mến      | 02 | 01 | 1996 | Xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị                  | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 410 | 23604 | Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Nga  | 30 | 6  | 1996 | Xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang               | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 411 | 23605 | Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa  | 08 | 12 | 1996 | Xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông                    | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 412 | 23606 | Bà Trần Thị Ngọc          | 10 | 3  | 1989 | Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                   | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 413 | 23607 | Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 28 | 9  | 1995 | Phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 414 | 23608 | Ông Phạm Thiện Tấn Phát   | 05 | 01 | 1998 | Xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An                          | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 415 | 23609 | Ông Nguyễn Văn Phúc       | 24 | 9  | 1995 | Xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang                      | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 416 | 23610 | Bà Nguyễn Thị Phước       | 10 | 6  | 1996 | Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi                      | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 417 | 23611 | Bà Lê Thảo Phương         | 07 | 10 | 1997 | Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam                  | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 418 | 23612 | Ông Lê Trần Quang         | 01 | 01 | 1994 | Phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định           | 351 | 14 | 3 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 419 | 23613 | Ông Lê Quang Quân       | 19 | 10 | 1995 | Xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang              | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 420 | 23614 | Bà Phan Bá Phương Quỳnh | 05 | 11 | 1997 | Phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 421 | 23615 | Bà Đào Thị Phương Sa    | 10 | 5  | 1996 | Xã Ea Bhook, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk                | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 422 | 23616 | Ông Dương Hồng Sơn      | 24 | 4  | 1996 | Xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk              | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 423 | 23617 | Ông Nguyễn Bá Sơn       | 23 | 3  | 1992 | Phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng       | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 424 | 23618 | Bà Đào Minh Tâm         | 22 | 02 | 1996 | Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 425 | 23619 | Bà Nguyễn Thanh Tâm     | 11 | 7  | 1996 | Xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng           | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 426 | 23620 | Ông Phạm Ngọc Thạch     | 26 | 02 | 1997 | Phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa   | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 427 | 23621 | Bà Lê Thị Thu Thảo      | 23 | 5  | 1995 | Phường Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định     | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 428 | 23622 | Ông Hoàng Phúc Thịnh    | 21 | 10 | 1994 | Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 429 | 23623 | Bà Lương Thị Kim Thoa   | 23 | 5  | 1994 | Xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi   | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 430 | 23624 | Bà Bùi Đoàn Minh Thu    | 21 | 9  | 1997 | Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi            | 351 | 14 | 3 | 2024 |

|     |       |                             |    |    |      |                                                                  |     |    |   |      |
|-----|-------|-----------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 431 | 23625 | Bà Hoàng Thị Thủy           | 25 | 3  | 1981 | Phường 14, quận Gò Vấp,<br>Thành phố Hồ Chí Minh                 | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 432 | 23626 | Bà Lê Thị Thu Thủy          | 27 | 4  | 1997 | Phường 1, quận Bình Thạnh,<br>Thành phố Hồ Chí Minh              | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 433 | 23627 | Bà Nguyễn Ngọc Thư          | 07 | 11 | 1995 | Xã Thạnh Phú Đông, huyện<br>Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre             | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 434 | 23628 | Bà Trần Võ Anh Thư          | 19 | 7  | 1997 | Phường Bình Trị Đông, quận<br>Bình Tân, Thành phố Hồ Chí<br>Minh | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 435 | 23629 | Bà Lê Thị Trang             | 13 | 8  | 1992 | Thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng<br>Hóa, tỉnh Quảng Trị             | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 436 | 23630 | Ông Ngô Nhật Trường         | 13 | 7  | 1996 | Phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh<br>Hòa, tỉnh Khánh Hòa             | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 437 | 23631 | Ông Nguyễn Văn Tuấn         | 28 | 5  | 1988 | Xã Đức Thành, huyện Yên<br>Thành, tỉnh Nghệ An                   | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 438 | 23632 | Ông Nguyễn Quang Tuấn       | 10 | 7  | 1995 | Phường Tân Thành, thành phố<br>Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk       | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 439 | 23633 | Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Uyên      | 25 | 4  | 1997 | Phường 13, quận Bình Thạnh,<br>Thành phố Hồ Chí Minh             | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 440 | 23634 | Bà Lê Thu Uyên              | 03 | 12 | 1998 | Phường Đồng Đa, thành phố<br>Quy Nhơn, tỉnh Bình Định            | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 441 | 23635 | Bà Đinh Nguyễn Thanh<br>Vân | 20 | 8  | 1998 | Phường Linh Đông, thành phố<br>Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí<br>Minh | 351 | 14 | 3 | 2024 |

|     |       |                       |    |    |      |                                                             |     |    |   |      |
|-----|-------|-----------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 442 | 23636 | Ông Trịnh Đình Vĩ     | 24 | 3  | 1996 | Xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị           | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 443 | 23637 | Ông Hoàng Quốc Việt   | 15 | 6  | 1996 | Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                    | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 444 | 23638 | Ông Phạm Hoàng Vũ     | 27 | 12 | 1998 | Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh               | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 445 | 23639 | Ông Lê Hữu Vy         | 14 | 10 | 1984 | Phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 446 | 23640 | Ông Phạm Bá Lộc       | 10 | 3  | 1986 | Xã Ea Lê, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk                        | 351 | 14 | 3 | 2024 |
| 447 | 23641 | Ông Hồ Quốc Anh       | 20 | 3  | 1996 | Xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình              | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 448 | 23642 | Ông Nguyễn Văn Anh    | 20 | 6  | 1990 | Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh       | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 449 | 23643 | Ông Trần Thanh Bảo    | 06 | 12 | 1994 | Xã Trung Giang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị              | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 450 | 23644 | Ông Võ Quốc Bảo       | 04 | 11 | 1996 | Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định    | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 451 | 23645 | Bà Võ Ngọc Triều Châu | 27 | 12 | 1994 | Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi               | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 452 | 23646 | Bà Đặng Như Bảo Châu  | 26 | 12 | 1974 | Phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 453 | 23647 | Ông Phạm Ngọc Chiến   | 03 | 4  | 1996 | Xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định                | 475 | 25 | 3 | 2024 |



|     |       |                         |    |    |      |                                                                  |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 454 | 23648 | Ông Mai Hùng Cường      | 28 | 01 | 1994 | Phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh   | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 455 | 23649 | Bà Nguyễn Thị Thúy Diễm | 29 | 10 | 1992 | Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 456 | 23650 | Ông Đoàn Tiến Dũng      | 18 | 01 | 1996 | Xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh           | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 457 | 23651 | Ông Lê Tấn Duy          | 12 | 01 | 1990 | Xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình                      | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 458 | 23652 | Bà Nguyễn Thị Duyên     | 24 | 9  | 1985 | Phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 459 | 23653 | Bà Nông Thị Đẹp         | 16 | 5  | 1994 | Xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước                    | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 460 | 23654 | Bà Đàm Thị Hương Giang  | 18 | 02 | 1996 | Thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai                        | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 461 | 23655 | Ông Hoàng Đức Giáp      | 09 | 02 | 1994 | Xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk                          | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 462 | 23656 | Bà Phạm Thị Quỳnh Hạnh  | 09 | 6  | 1995 | Xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk                         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 463 | 23657 | Ông Phan Nhật Hào       | 16 | 4  | 1997 | Xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng                         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 464 | 23658 | Bà Nguyễn Thúy Hiền     | 01 | 11 | 1998 | Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh           | 475 | 25 | 3 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                          |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 465 | 23659 | Ông Đỗ Quan Hiếu          | 31 | 8  | 1985 | Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh                  | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 466 | 23660 | Bà Nguyễn Thị Phương Hiếu | 24 | 9  | 1996 | Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh            | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 467 | 23661 | Ông Trần Văn Hoàng        | 06 | 7  | 1998 | Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh                | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 468 | 23662 | Ông Lê Nhật Hoàng         | 10 | 11 | 1998 | Xã Ea Ning, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk                  | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 469 | 23663 | Bà Hồ Thanh Huyền         | 21 | 02 | 1996 | Phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 470 | 23664 | Ông Vũ Hồng Khanh         | 06 | 4  | 1995 | Xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An               | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 471 | 23665 | Bà Bùi Phạm Tam Khanh     | 02 | 7  | 1995 | Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 472 | 23666 | Bà Mai Thị Mỹ Lệ          | 08 | 9  | 1997 | Xã Cát Trinh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định              | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 473 | 23667 | Bà Ngô Thị Khánh Linh     | 10 | 3  | 1998 | Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh          | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 474 | 23668 | Bà Nguyễn Thị Thùy Linh   | 20 | 12 | 1997 | Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 475 | 23669 | Bà Phan Tú Linh           | 12 | 02 | 1983 | Phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 476 | 23670 | Bà Nguyễn Thị Thùy Linh   | 18 | 9  | 1997 | Xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai            | 475 | 25 | 3 | 2024 |

|     |       |                             |    |    |      |                                                            |     |    |   |      |
|-----|-------|-----------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 477 | 23671 | Bà Nguyễn Thị Tố Mai        | 16 | 8  | 1994 | Phường Phú Thuận, Quận 7,<br>Thành phố Hồ Chí Minh         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 478 | 23672 | Bà Hà Thị Ái My             | 03 | 8  | 1996 | Xã Phú Lâm, huyện Tân Phú,<br>tỉnh Đồng Nai                | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 479 | 23673 | Bà Nguyễn Thị Trà My        | 26 | 4  | 1996 | Xã Hòa Đồng, huyện Tây Hòa,<br>tỉnh Phú Yên                | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 480 | 23674 | Bà Phạm Thị Bảo Ngân        | 06 | 01 | 1998 | Phường Hòa Thọ Đông, quận<br>Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng     | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 481 | 23675 | Ông Nguyễn Gia Nghiêm       | 16 | 6  | 1996 | Thị trấn Thứ Ba, huyện An<br>Biên, tỉnh Kiên Giang         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 482 | 23676 | Bà Nguyễn Bích Ngọc         | 22 | 8  | 1996 | Xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh,<br>tỉnh Đồng Tháp               | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 483 | 23677 | Bà Dương Thị Thảo<br>Nguyên | 18 | 5  | 1996 | Xã Bình Kiến, thành phố Tuy<br>Hòa, tỉnh Phú Yên           | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 484 | 23678 | Ông Võ Thanh Nhã            | 17 | 6  | 1995 | Phường Cam Giá, thành phố<br>Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 485 | 23679 | Bà Lý Ngọc Huỳnh Nhi        | 19 | 10 | 1997 | Xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân,<br>tỉnh Bình Thuận             | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 486 | 23680 | Bà Vũ Thị Kim Oanh          | 26 | 9  | 1996 | Phường 10, thành phố Vũng<br>Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu   | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 487 | 23681 | Bà Huỳnh Thị Oanh           | 10 | 4  | 1997 | Xã Tân Bình, huyện Đak Đoa,<br>tỉnh Gia Lai                | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 488 | 23682 | Bà Phan Yến Phụng           | 29 | 10 | 1996 | Xã Lương Hòa, huyện Giồng<br>Trôm, tỉnh Bến Tre            | 475 | 25 | 3 | 2024 |

|     |       |                               |    |    |      |                                                                    |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 489 | 23683 | Bà Nguyễn Hoàng Mai<br>Phuong | 04 | 9  | 1996 | Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh<br>Thạnh, tỉnh Bình Định                 | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 490 | 23684 | Bà Nguyễn Huệ Phương          | 25 | 4  | 1998 | Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam<br>Đàn, tỉnh Nghệ An                   | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 491 | 23685 | Bà Tô Thị Phương              | 04 | 10 | 1993 | Phường Trà Bá, thành phố<br>Pleiku, tỉnh Gia Lai                   | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 492 | 23686 | Bà Lương Mỹ Phương            | 23 | 10 | 1996 | Phường Bình Trị Đông A, quận<br>Bình Tân, Thành phố Hồ Chí<br>Minh | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 493 | 23687 | Bà Nguyễn Thị Bích<br>Phượng  | 16 | 3  | 1997 | Xã Thuận Phú, huyện Đồng<br>Phú, tỉnh Bình Phước                   | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 494 | 23688 | Bà Trần Huỳnh Phương<br>Quyên | 18 | 8  | 1996 | Thị trấn Vàm Láng, huyện Gò<br>Công Đông, tỉnh Tiền Giang          | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 495 | 23689 | Bà Lê Thị Thảo Quyên          | 20 | 11 | 1997 | Phường Quảng Phú, thành phố<br>Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 496 | 23690 | Ông Trần Lê Tâm               | 20 | 4  | 1995 | Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh,<br>tỉnh Quảng Nam                      | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 497 | 23691 | Bà Trần Khánh Tâm             | 03 | 02 | 1977 | Phường 12, Quận 8, Thành phố<br>Hồ Chí Minh                        | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 498 | 23692 | Bà Đoàn Thị Thanh             | 09 | 6  | 1987 | Phường Phú Thọ Hòa, quận Tân<br>Phú, Thành phố Hồ Chí Minh         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 499 | 23693 | Bà Nguyễn Minh Thùy           | 27 | 7  | 1996 | Phường 8, thành phố Vĩnh<br>Long, tỉnh Vĩnh Long                   | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 500 | 23694 | Bà Đặng Thị Thúy              | 04 | 4  | 1996 | Thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc<br>Hồi, tỉnh Kon Tum                 | 475 | 25 | 3 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                          |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 501 | 23695 | Bà Huỳnh Tạ Minh Thư    | 19 | 12 | 1998 | Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang               | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 502 | 23696 | Bà Trương Đoàn Ngọc Thư | 01 | 5  | 1993 | Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An               | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 503 | 23697 | Bà Nguyễn Nhật Anh Thư  | 05 | 6  | 1997 | Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh                | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 504 | 23698 | Bà Dương Thị Hương Trà  | 17 | 12 | 1997 | Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh          | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 505 | 23699 | Bà Võ Ngọc Đài Trang    | 07 | 4  | 1997 | Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh          | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 506 | 23700 | Bà Nguyễn Thị Thu Trang | 21 | 9  | 1995 | Xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk      | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 507 | 23701 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 16 | 5  | 1990 | Phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai     | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 508 | 23702 | Bà Trần Bảo Trân        | 19 | 10 | 1996 | Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh            | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 509 | 23703 | Bà Trần Thanh Trúc      | 12 | 9  | 1997 | Thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang         | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 510 | 23704 | Bà Trần Nguyễn Tường Vi | 27 | 12 | 1996 | Thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước       | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 511 | 23705 | Bà Nguyễn Thị Anh Vinh  | 04 | 10 | 1996 | Phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 512 | 23706 | Bà Trương Thúy Vinh     | 02 | 12 | 1997 | Xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá             | 475 | 25 | 3 | 2024 |

|     |       |                               |    |    |      |                                                                    |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 513 | 23707 | Bà Nguyễn Thị Hạ Vy           | 06 | 9  | 1997 | Phường Thành Công, thành phố<br>Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk        | 475 | 25 | 3 | 2024 |
| 514 | 23708 | Bà Vũ Thị Thúy                | 12 | 3  | 1998 | Xã Xuân Bắc, huyện Xuân<br>Trường, tỉnh Nam Định                   | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 515 | 23709 | Ông Hồ Hữu Lam                | 11 | 9  | 1986 | Xã Long Điền A, huyện Chợ<br>Mới, tỉnh An Giang                    | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 516 | 23710 | Bà Lưu Thanh Hương            | 24 | 7  | 1993 | Phường Châu Giang, thị xã Duy<br>Tiên, tỉnh Hà Nam                 | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 517 | 23711 | Ông Trần Thanh Long           | 01 | 5  | 1981 | Phường 2, thành phố Đà Lạt,<br>tỉnh Lâm Đồng                       | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 518 | 23712 | Bà Mai Trần Như Quỳnh         | 14 | 7  | 1997 | Phường Phở Quang, thị xã Đức<br>Phổ, tỉnh Quảng Ngãi               | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 519 | 23713 | Bà Nguyễn Phạm Thanh<br>Thanh | 31 | 12 | 1997 | Phường Tân Thành, thành phố<br>Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk         | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 520 | 23714 | Ông Nguyễn Viết Xuân          | 10 | 3  | 1963 | Phường Lộc Sơn, thành phố<br>Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng                | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 521 | 23715 | Ông Lại Thanh Xứng            | 25 | 10 | 1965 | Phường Bến Nghé, Quận 1,<br>Thành phố Hồ Chí Minh                  | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 522 | 23716 | Ông Nguyễn Tiến Phương        | 09 | 10 | 1967 | Phường Phước Trung, thành<br>phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng<br>Tàu | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 523 | 23717 | Ông Nguyễn Văn Hùng           | 13 | 9  | 1967 | Phường Mai Dịch, quận Cầu<br>Giấy, thành phố Hà Nội                | 477 | 25 | 3 | 2024 |
| 524 | 23718 | Bà Lê Thị Thoa                | 03 | 9  | 1997 | Xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống,<br>tỉnh Thanh Hóa                      | 479 | 26 | 3 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                            |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 525 | 23719 | Ông Trần Tuấn Vũ         | 12 | 4  | 1995 | Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh                | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 526 | 23720 | Ông Nguyễn Minh Phú      | 27 | 5  | 1992 | Xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh             | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 527 | 23721 | Ông Nguyễn Minh Tuấn     | 30 | 8  | 1982 | Phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng         | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 528 | 23722 | Bà Nguyễn Thị Diễm Phụng | 25 | 5  | 1985 | Xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam                | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 529 | 23723 | Bà Nguyễn Thị Sương      | 18 | 9  | 1997 | Phường Phú Thượng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế      | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 530 | 23724 | Ông Phạm Trung Hiếu      | 01 | 7  | 1991 | Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai       | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 531 | 23725 | Ông Bùi Công Tài         | 28 | 6  | 1995 | Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                  | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 532 | 23726 | Ông Nguyễn Trung Đức     | 12 | 8  | 1997 | Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 533 | 23727 | Ông Đặng Văn Thìn        | 19 | 3  | 1965 | Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang      | 479 | 26 | 3 | 2024 |
| 534 | 23728 | Bà Đoàn Thị Huyền Trang  | 17 | 8  | 1995 | Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa          | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 535 | 23729 | Ông Từ Thiện Tâm         | 20 | 10 | 1988 | Xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi          | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 536 | 23730 | Ông Nguyễn Hữu Khôi      | 24 | 7  | 1998 | Xã Quế Lưu, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam                 | 486 | 27 | 3 | 2024 |

|     |       |                      |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|----------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 537 | 23731 | Ông Bùi Xuân Dương   | 25 | 8  | 1973 | Phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 538 | 23732 | Ông Nguyễn Minh Cảnh | 26 | 3  | 1980 | Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 539 | 23733 | Bà Hồ Thị Mỹ         | 03 | 11 | 1961 | Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng               | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 540 | 23734 | Bà Trần Thị Toàn     | 13 | 7  | 1994 | Xã Hoàng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa         | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 541 | 23735 | Ông Võ Văn Đức       | 16 | 4  | 1974 | Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh     | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 542 | 23736 | Ông Vũ Văn Trục      | 31 | 12 | 1964 | Phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình  | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 543 | 23737 | Ông Đinh Viết Nam    | 23 | 3  | 1963 | Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị         | 486 | 27 | 3 | 2024 |
| 544 | 23738 | Ông Lê Thanh Long    | 27 | 02 | 1984 | Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng     | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 545 | 23739 | Ông Mai Chủ          | 10 | 02 | 1989 | Xã Ia Blứ, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai                  | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 546 | 23740 | Bà Lê Thị Huê        | 12 | 12 | 1998 | Phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa         | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 547 | 23741 | Ông Hồ Đắc Minh Tân  | 14 | 3  | 1975 | Phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế      | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 548 | 23742 | Bà Đỗ Thị Thủy       | 16 | 4  | 1996 | Xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định               | 520 | 29 | 3 | 2024 |



|     |       |                          |    |    |      |                                                            |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 549 | 23743 | Bà Nguyễn Thị Nhung      | 20 | 9  | 1996 | Xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội             | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 550 | 23744 | Bà Lê Phương Thảo        | 02 | 7  | 1994 | Xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội             | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 551 | 23745 | Bà Dương Thị Tuyết       | 21 | 12 | 1996 | Xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên           | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 552 | 23746 | Bà Nguyễn Thu Trang      | 02 | 8  | 1998 | Xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định                    | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 553 | 23747 | Ông Lê Huy Cường         | 03 | 8  | 1995 | Phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội          | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 554 | 23748 | Bà Phùng Thị Hương Giang | 03 | 02 | 1990 | Phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội        | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 555 | 23749 | Bà Nguyễn Thị Hồng Minh  | 24 | 6  | 1989 | Phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng     | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 556 | 23750 | Bà Trần Thị Hồng Nhung   | 09 | 4  | 1994 | Phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 557 | 23751 | Ông Nguyễn Văn Hùng      | 10 | 02 | 1963 | Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình         | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 558 | 23752 | Ông Trần Văn Tòng        | 11 | 01 | 1963 | Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình        | 520 | 29 | 3 | 2024 |
| 559 | 23753 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp  | 13 | 11 | 1987 | Xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa            | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 560 | 23754 | Ông Đỗ Văn Dương         | 30 | 7  | 1985 | Phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     | 521 | 29 | 3 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 561 | 23755 | Bà Hoàng Thị Hà         | 14 | 6  | 1995 | Phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk   | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 562 | 23756 | Ông Lê Văn Phi          | 23 | 5  | 1991 | Xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau                  | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 563 | 23757 | Bà Bùi Nguyễn Như Phụng | 16 | 7  | 1994 | Phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng     | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 564 | 23758 | Bà Trần Thị Nga         | 18 | 02 | 1994 | Xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình         | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 565 | 23759 | Ông Kiều Nhiều          | 27 | 01 | 1990 | Xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận         | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 566 | 23760 | Bà Nguyễn Thị Phụng     | 30 | 7  | 1988 | Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp            | 521 | 29 | 3 | 2024 |
| 567 | 23761 | Bà Trịnh Thị Ngân       | 16 | 10 | 1996 | Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 568 | 23762 | Ông Trần Huy Hoàng      | 22 | 7  | 1996 | Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh      | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 569 | 23763 | Ông Phạm Đình Quang     | 13 | 9  | 1994 | Phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc     | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 570 | 23764 | Ông Hồ Hữu Phi          | 13 | 12 | 1974 | Phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội       | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 571 | 23765 | Ông Nguyễn Vũ Dương     | 05 | 8  | 1968 | Phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội      | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 572 | 23766 | Bà Trịnh Thị Thúy Hà    | 14 | 12 | 1969 | Phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội       | 522 | 29 | 3 | 2024 |

|     |       |                        |    |    |      |                                                        |     |    |   |      |
|-----|-------|------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 573 | 23767 | Bà Vũ Thị Thanh        | 10 | 9  | 1987 | Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh               | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 574 | 23768 | Bà Vương Thị Mỹ        | 05 | 5  | 1987 | Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                | 522 | 29 | 3 | 2024 |
| 575 | 23769 | Bà Nguyễn Nhật Gia Bảo | 06 | 3  | 1996 | Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp           | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 576 | 23770 | Bà Bùi Thanh Thúy      | 20 | 11 | 1991 | Xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp             | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 577 | 23771 | Bà Trình Thị Cẩm Vân   | 14 | 01 | 1995 | Xã An Hòa Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên              | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 578 | 23772 | Bà Nguyễn Thị Kim Chi  | 26 | 5  | 1994 | Xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An             | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 579 | 23773 | Bà Võ Ngọc Anh Thư     | 05 | 3  | 1993 | Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh       | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 580 | 23774 | Ông Khuất Tuấn Dương   | 09 | 11 | 1983 | Phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội          | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 581 | 23775 | Bà Phạm Thị Thanh Miên | 19 | 8  | 1967 | Phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | 523 | 29 | 3 | 2024 |
| 582 | 23776 | Bà Trần Thị Thùy Linh  | 06 | 8  | 1993 | Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định   | 525 | 29 | 3 | 2024 |
| 583 | 23777 | Bà Bùi Lệ Thương       | 12 | 6  | 1998 | Xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk                | 525 | 29 | 3 | 2024 |
| 584 | 23778 | Bà Lê Thị Ngọc Hân     | 20 | 10 | 1988 | Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên              | 525 | 29 | 3 | 2024 |

|     |       |                      |    |    |      |                                                        |     |    |   |      |
|-----|-------|----------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 585 | 23779 | Bà Nguyễn Thị Dương  | 03 | 10 | 1993 | Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội      | 525 | 29 | 3 | 2024 |
| 586 | 23780 | Ông Vũ Đức Trường    | 19 | 3  | 1995 | Xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định          | 525 | 29 | 3 | 2024 |
| 587 | 23781 | Bà Nguyễn Thị Lan    | 19 | 9  | 1995 | Phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ      | 525 | 29 | 3 | 2024 |
| 588 | 23782 | Ông Võ Xuân Sơn      | 28 | 4  | 1976 | Phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai     | 525 | 29 | 3 | 2024 |
| 589 | 23783 | Ông Trương Đức Trung | 21 | 01 | 1994 | Xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam          | 539 | 29 | 3 | 2024 |
| 590 | 23784 | Ông Thiều Hữu Minh   | 18 | 11 | 1985 | Phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai        | 539 | 29 | 3 | 2024 |
| 591 | 23785 | Bà Đinh Thị Năm      | 28 | 10 | 1965 | Phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | 539 | 29 | 3 | 2024 |
| 592 | 23786 | Bà Trịnh Phương Thảo | 18 | 4  | 1998 | Phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội       | 586 | 08 | 4 | 2024 |
| 593 | 23787 | Bà Nguyễn Thùy Trâm  | 26 | 11 | 1984 | Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                | 586 | 08 | 4 | 2024 |
| 594 | 23788 | Ông Trần Minh Tín    | 26 | 10 | 1996 | Phường An Phú, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai             | 586 | 08 | 4 | 2024 |
| 595 | 23789 | Bà Trần Thúy Quỳnh   | 10 | 11 | 1992 | Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau               | 586 | 08 | 4 | 2024 |
| 596 | 23790 | Ông Trần Văn Nhiễm   | 15 | 01 | 1963 | Phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình  | 586 | 08 | 4 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                        |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 597 | 23791 | Ông Quan Hữu Thi         | 21 | 3  | 1966 | Phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn    | 586 | 08 | 4 | 2024 |
| 598 | 23792 | Bà Nguyễn Nhật Anh       | 22 | 4  | 1997 | Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang         | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 599 | 23793 | Bà Đinh Thị Ngọc Biết    | 27 | 8  | 1993 | Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh  | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 600 | 23794 | Bà Trần Thị Huệ          | 28 | 4  | 1996 | Xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk               | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 601 | 23795 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều  | 20 | 11 | 1990 | Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi         | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 602 | 23796 | Ông Nguyễn Thanh Liêm    | 9  | 5  | 1980 | Xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh    | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 603 | 23797 | Bà Nguyễn Thị Hương Liên | 20 | 10 | 1991 | Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai               | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 604 | 23798 | Bà Nguyễn Sỹ Thảo My     | 4  | 10 | 1998 | Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh        | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 605 | 23799 | Ông Nguyễn Hữu Tâm       | 12 | 3  | 1991 | Xã Tân Khánh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp       | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 606 | 23800 | Bà Phạm Nguyễn Anh Thu   | 16 | 10 | 1993 | Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh         | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 607 | 23801 | Bà Trần Thị Trang        | 25 | 11 | 1993 | Xã Đắc SẮc, huyện Đắc Mĩ, tỉnh Đắk Nông                | 659 | 16 | 4 | 2024 |
| 608 | 23802 | Ông Phạm Thành Trung     | 29 | 5  | 1981 | Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh | 659 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                      |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 609 | 23803 | Bà Lê Hằng Nga            | 9  | 11 | 1989 | Xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình    | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 610 | 23804 | Ông Quách Minh Trí        | 28 | 2  | 1990 | Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh         | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 611 | 23805 | Bà Lê Thị Lan Phương      | 15 | 6  | 1982 | Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 612 | 23806 | Ông Lê Hoàng Thanh Trường | 8  | 4  | 1993 | Phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 613 | 23807 | Bà Đỗ Thị Minh Thanh      | 31 | 10 | 1986 | Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 614 | 23808 | Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh      | 1  | 7  | 1997 | Xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương         | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 615 | 23809 | Ông Trần Huy Hoàng        | 29 | 6  | 1977 | Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình      | 660 | 16 | 4 | 2024 |
| 616 | 23810 | Bà Nguyễn Trương Hải Yến  | 12 | 12 | 1997 | Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre   | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 617 | 23811 | Ông Trần Thái Bảo         | 25 | 8  | 1998 | Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương      | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 618 | 23812 | Bà Đặng Thị Ngọc Diệp     | 31 | 8  | 1998 | Xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh              | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 619 | 23813 | Bà Đào Thị Ngoan          | 16 | 8  | 1978 | Phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 620 | 23814 | Ông Phan Văn Tâm          | 26 | 4  | 1991 | Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước      | 667 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                          |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 621 | 23815 | Bà Nguyễn Thị Thanh Lan | 26 | 2  | 1996 | Xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng               | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 622 | 23816 | Ông Nguyễn Văn Tân      | 24 | 6  | 1987 | Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang           | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 623 | 23817 | Bà Nguyễn Thị Hà Trang  | 1  | 8  | 1998 | Xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa         | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 624 | 23818 | Ông Nguyễn Thanh Đông   | 17 | 12 | 1982 | Phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 625 | 23819 | Ông Nguyễn Thanh Bình   | 22 | 12 | 1967 | Phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 667 | 16 | 4 | 2024 |
| 626 | 23820 | Ông Trần Thanh Thái     | 21 | 7  | 1992 | Xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang          | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 627 | 23821 | Ông Đặng Văn Toàn       | 7  | 10 | 1981 | Xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai                | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 628 | 23822 | Ông Nguyễn Hữu Quốc     | 9  | 12 | 1992 | Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai              | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 629 | 23823 | Ông Nguyễn Trường Luật  | 3  | 12 | 1991 | Phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai         | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 630 | 23824 | Bà Đỗ Thị Hồng          | 15 | 6  | 1991 | Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai     | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 631 | 23825 | Bà Cao Thị Thanh Thúy   | 26 | 11 | 1989 | Xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang               | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 632 | 23826 | Ông Đoàn Minh Trọng     | 14 | 4  | 1991 | Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh     | 668 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                      |    |    |      |                                                            |     |    |   |      |
|-----|-------|----------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 633 | 23827 | Bà Đặng Thị Thu Hiền | 17 | 3  | 1972 | Phường Bến Nghé, Quận 1,<br>Thành phố Hồ Chí Minh          | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 634 | 23828 | Bà Phạm Thị Yến      | 9  | 4  | 1993 | Xã Đông Phương, huyện Đông<br>Hưng, tỉnh Thái Bình         | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 635 | 23829 | Ông Trần Quang Thi   | 7  | 5  | 1977 | Thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy<br>An, tỉnh Phú Yên          | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 636 | 23830 | Bà Nguyễn Thu Hà     | 1  | 8  | 1993 | Phường Cẩm Bình, thành phố<br>Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh     | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 637 | 23831 | Ông Lương Việt Hà    | 17 | 7  | 1968 | Phường La Khê, quận Hà Đông,<br>thành phố Hà Nội           | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 638 | 23832 | Ông Hoàng Mạnh Hùng  | 28 | 3  | 1958 | Phường Hòa Hiếu, thị xã Thái<br>Hòa, tỉnh Nghệ An          | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 639 | 23833 | Ông Hoàng Văn Hải    | 1  | 5  | 1954 | Thị trấn Tân Biên, huyện Tân<br>Biên, tỉnh Tây Ninh        | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 640 | 23834 | Ông Trần Đức Long    | 7  | 4  | 1977 | Phường 2, quận Tân Bình,<br>Thành phố Hồ Chí Minh          | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 641 | 23835 | Ông Quảng Đức Tuyên  | 25 | 12 | 1962 | Phường Tân Sơn Nhì, quận Tân<br>Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 642 | 23836 | Ông Trần Kiến Quốc   | 10 | 9  | 1984 | Xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần,<br>tỉnh Trà Vinh               | 668 | 16 | 4 | 2024 |
| 643 | 23837 | Bà Nguyễn Quỳnh Anh  | 22 | 5  | 1997 | Phường 7, thành phố Vũng Tàu,<br>tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu    | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 644 | 23838 | Bà Trương Thị Mỹ Anh | 13 | 1  | 1998 | Phường Cát Linh, quận Đống<br>Đa, thành phố Hà Nội         | 670 | 16 | 4 | 2024 |



|     |       |                          |    |   |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|---|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 645 | 23839 | Bà Nguyễn Minh Anh       | 12 | 9 | 1997 | Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội          | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 646 | 23840 | Bà Hoàng Thị Ngọc ánh    | 2  | 5 | 1997 | Xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng               | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 647 | 23841 | Ông Lục Thanh Bách       | 5  | 5 | 1997 | Phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 648 | 23842 | Bà Nguyễn Thị Thanh Bình | 11 | 6 | 1975 | Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh   | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 649 | 23843 | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chi  | 14 | 1 | 1992 | Phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 650 | 23844 | Ông Lê Minh Chí          | 20 | 8 | 1992 | Xã Đăk Yă, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai                | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 651 | 23845 | Bà Hoàng Thị Chinh       | 10 | 9 | 1996 | Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá              | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 652 | 23846 | Bà Phạm Thị Dung         | 7  | 2 | 1991 | Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 653 | 23847 | Ông Tạ Quốc Dũng         | 6  | 4 | 1995 | Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang            | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 654 | 23848 | Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên   | 27 | 2 | 1996 | Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 655 | 23849 | Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên    | 21 | 2 | 1997 | Phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định       | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 656 | 23850 | Bà Phạm Trần Mỹ Duyên    | 22 | 6 | 1996 | Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi          | 670 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                               |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 657 | 23851 | Ông Nguyễn Lê Hoàng Đạt | 1  | 1  | 1991 | Phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa         | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 658 | 23852 | Bà Phan Thị Hương Giang | 31 | 1  | 1995 | Xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình                    | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 659 | 23853 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu | 25 | 5  | 1998 | Xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế         | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 660 | 23854 | Bà Võ Hồng Hạnh         | 6  | 1  | 1998 | Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh               | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 661 | 23855 | Ông Ngô Hao             | 15 | 12 | 1994 | Phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang          | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 662 | 23856 | Ông Võ Ngọc Thiên Hào   | 21 | 5  | 1994 | Xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam                  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 663 | 23857 | Bà Đỗ Thị Thúy Hằng     | 26 | 7  | 1997 | Xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định                | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 664 | 23858 | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  | 23 | 5  | 1996 | Xã Cư Ni, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk                          | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 665 | 23859 | Bà Nguyễn Thị Hiền      | 2  | 7  | 1997 | Xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình                 | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 666 | 23860 | Bà Lương Thị Thảo Hiền  | 16 | 3  | 1995 | Phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 667 | 23861 | Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | 20 | 6  | 1976 | Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh               | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 668 | 23862 | Bà Lê Thị Ngọc Huyền    | 12 | 8  | 1996 | Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận                 | 670 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 669 | 23863 | Ông Trần Duy Khánh       | 14 | 10 | 1994 | Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 670 | 23864 | Bà Trần Trúc Lam         | 18 | 12 | 1995 | Xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên            | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 671 | 23865 | Bà Nguyễn Thị Hoài Linh  | 6  | 4  | 1997 | Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước           | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 672 | 23866 | Bà Đỗ Phương Linh        | 21 | 2  | 1996 | Phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội       | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 673 | 23867 | Bà Lê Thị Thanh Loan     | 23 | 1  | 1977 | Phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 674 | 23868 | Bà Huỳnh Thị Huỳnh Mi    | 9  | 6  | 1996 | Xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng               | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 675 | 23869 | Bà Trịnh Thị Tuệ Minh    | 11 | 8  | 1994 | Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh         | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 676 | 23870 | Bà Nguyễn Thu Ngân       | 19 | 3  | 1993 | Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 677 | 23871 | Ông Lê Hữu Nghĩa         | 2  | 9  | 1996 | Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam               | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 678 | 23872 | Bà Lê Thùy Thảo Nguyên   | 4  | 5  | 1997 | Xã Ia Hnú, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai                  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 679 | 23873 | Bà Trần Thảo Nguyên      | 4  | 6  | 1997 | Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk        | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 680 | 23874 | Bà Huỳnh Thị Hồng Nguyệt | 14 | 11 | 1997 | Xã Phú Dương, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế        | 670 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                              |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|------------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 681 | 23875 | Bà Huỳnh Thị Nhã             | 24 | 4  | 1994 | Phường An Phú, thị xã An Khê,<br>tỉnh Gia Lai           | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 682 | 23876 | Bà Lê Thị Mỹ Nhơn            | 2  | 10 | 1994 | Phường Nhơn Hưng, thị xã An<br>Nhơn, tỉnh Bình Định     | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 683 | 23877 | Bà Trần Ngọc Hoàng<br>Phuong | 2  | 8  | 1995 | Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1,<br>Thành phố Hồ Chí Minh   | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 684 | 23878 | Bà Nguyễn Thị Bích<br>Phuong | 18 | 7  | 1995 | Thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh<br>Linh, tỉnh Bình Thuận  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 685 | 23879 | Ông Đặng Trần Phương         | 3  | 1  | 1997 | Phường 10, quận Tân Bình,<br>Thành phố Hồ Chí Minh      | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 686 | 23880 | Bà Lê Ngọc Quỳnh             | 13 | 10 | 1998 | Phường 8, thành phố Vũng Tàu,<br>tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 687 | 23881 | Ông Phạm Tiến Sĩ             | 26 | 10 | 1984 | Phường An Lạc, quận Bình<br>Tân, Thành phố Hồ Chí Minh  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 688 | 23882 | Ông Lê Nguyễn Vĩnh Sơn       | 28 | 10 | 1997 | Phường 11, quận Gò Vấp,<br>Thành phố Hồ Chí Minh        | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 689 | 23883 | Bà Nguyễn Thị Bảo Sương      | 9  | 7  | 1997 | Xã Bù Nho, huyện Phú Riềng,<br>tỉnh Bình Phước          | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 690 | 23884 | Bà Phạm Thị Tâm              | 13 | 5  | 1996 | Phường An Lạc, quận Bình<br>Tân, Thành phố Hồ Chí Minh  | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 691 | 23885 | Bà Nguyễn Thị Hoài Thắm      | 16 | 11 | 1996 | Xã Ia Blang, huyện Chư Sê,<br>tỉnh Gia Lai              | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 692 | 23886 | Ông Nguyễn Cao Thăng         | 2  | 4  | 1985 | Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè,<br>Thành phố Hồ Chí Minh | 670 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                        |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|--------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 693 | 23887 | Bà Trương Thị Kim Thoa    | 1  | 6  | 1994 | Xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam             | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 694 | 23888 | Bà Trần Thị Kim Thoa      | 12 | 4  | 1998 | Phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định    | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 695 | 23889 | Ông Nguyễn Công Duy Thông | 27 | 7  | 1995 | Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh        | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 696 | 23890 | Bà Nguyễn Thị Thu         | 10 | 1  | 1991 | Xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình           | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 697 | 23891 | Bà Hoàng Thị Thanh Thúy   | 7  | 1  | 1996 | Xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk    | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 698 | 23892 | Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy  | 18 | 9  | 1997 | Xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre         | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 699 | 23893 | Bà Lê Thị Thư             | 4  | 11 | 1997 | Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi          | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 700 | 23894 | Bà Lê Thị Hoài Trâm       | 26 | 12 | 1996 | Phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 701 | 23895 | Ông Phạm Cao Phúc Trí     | 29 | 3  | 1993 | Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh   | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 702 | 23896 | Bà Phạm Thùy Mai Trinh    | 12 | 10 | 1996 | Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh        | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 703 | 23897 | Ông Nguyễn Văn Trung      | 1  | 6  | 1997 | Xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai             | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 704 | 23898 | Ông Lê Quang Trung        | 20 | 2  | 1989 | Xã Gia An, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận             | 670 | 16 | 4 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                               |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 705 | 23899 | Bà Lưu Cẩm Tú             | 14 | 6  | 1995 | Xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu           | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 706 | 23900 | Bà Nguyễn Thông Cẩm Tú    | 3  | 1  | 1997 | Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh                       | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 707 | 23901 | Bà Đào Thị Mỹ Toàn        | 14 | 4  | 1983 | Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh                | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 708 | 23902 | Bà Nguyễn Thị Thu Uyên    | 9  | 8  | 1997 | Xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị                 | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 709 | 23903 | Ông Nguyễn Hữu Hoàng Việt | 10 | 7  | 1997 | Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 710 | 23904 | Bà Hoàng Thị Thúy Vy      | 8  | 9  | 1998 | Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 711 | 23905 | Bà Thiều Thanh Vy         | 13 | 7  | 1998 | Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 712 | 23906 | Bà Trần Thị Kiều Yên      | 18 | 7  | 1996 | Thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai                 | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 713 | 23907 | Bà Phạm Thị Yên           | 28 | 8  | 1998 | Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa                    | 670 | 16 | 4 | 2024 |
| 714 | 23908 | Ông Phạm Văn Ngọc         | 26 | 10 | 1995 | Phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội          | 778 | 4  | 5 | 2024 |
| 715 | 23909 | Bà Khúc Thị Thu           | 21 | 10 | 1996 | Xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình                    | 778 | 4  | 5 | 2024 |
| 716 | 23910 | Bà Trần Thị Lan           | 22 | 9  | 1992 | Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội              | 778 | 4  | 5 | 2024 |

|     |       |                              |    |    |      |                                                               |     |   |   |      |
|-----|-------|------------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 717 | 23911 | Bà Ngô Thùy Linh             | 18 | 7  | 1998 | Xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ,<br>tỉnh Đắk Lắk                   | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 718 | 23912 | Bà Đoàn Thảo Nguyên          | 15 | 7  | 1992 | Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ<br>Liêm, thành phố Hà Nội          | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 719 | 23913 | Bà Lê Anh Đào                | 27 | 10 | 1993 | Phường Phú Thượng, quận Tây<br>Hồ, thành phố Hà Nội           | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 720 | 23914 | Bà Nguyễn Thị Thanh<br>Huyền | 25 | 6  | 1997 | Phường Quyết Tâm, thành phố<br>Sơn La, tỉnh Sơn La            | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 721 | 23915 | Bà Lã Thị Hồng Nhung         | 02 | 12 | 1995 | Xã Cam Thượng, huyện Ba Vì,<br>thành phố Hà Nội               | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 722 | 23916 | Bà Nguyễn Thị Thoa           | 05 | 6  | 1995 | Phường Đông Thọ, thành phố<br>Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa       | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 723 | 23917 | Bà Đoàn Thị Hồng             | 08 | 3  | 1995 | Phường An Sinh, thị xã Kinh<br>Môn, tỉnh Hải Dương            | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 724 | 23918 | Bà Dương Kiều Anh            | 03 | 6  | 1997 | Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan,<br>tỉnh Ninh Bình                | 778 | 4 | 5 | 2024 |
| 725 | 23919 | Bà Nguyễn Thu Thảo           | 16 | 5  | 1996 | Xã Ba Trại, huyện Ba Vì, thành<br>phố Hà Nội                  | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 726 | 23920 | Bà Phạm Thị Hồng Ngọc        | 20 | 7  | 1998 | Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn,<br>tỉnh Sơn La                      | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 727 | 23921 | Bà Trần Thị Thu Hằng         | 03 | 6  | 1975 | Xã Yên Thường, huyện Gia<br>Lâm, thành phố Hà Nội             | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 728 | 23922 | Ông Trịnh Tiến Dũng          | 21 | 8  | 1996 | Phường Đội Cấn, thành phố<br>Tuyên Quang, tỉnh Tuyên<br>Quang | 779 | 4 | 5 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                     |     |   |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 729 | 23923 | Bà Dương Thị Hồng Nhung  | 31 | 12 | 1993 | Thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn      | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 730 | 23924 | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa  | 13 | 10 | 1991 | Xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang       | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 731 | 23925 | Bà Nguyễn Thị Thắng      | 19 | 9  | 1984 | Phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội   | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 732 | 23926 | Ông Nguyễn Đức Anh       | 30 | 01 | 1996 | Phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 733 | 23927 | Bà Nguyễn Thị Phương Lan | 02 | 3  | 1977 | Phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 734 | 23928 | Bà Thiều Thị Hường       | 20 | 02 | 1996 | Xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ         | 779 | 4 | 5 | 2024 |
| 735 | 23929 | Bà Nông Thị Thanh Tuyền  | 28 | 12 | 1994 | Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội    | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 736 | 23930 | Ông Lâm Tiến Tân         | 25 | 9  | 1996 | Phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội   | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 737 | 23931 | Ông Vũ Công Thuận        | 28 | 01 | 1997 | Xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên          | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 738 | 23932 | Bà Cẩm Thị Lai           | 30 | 6  | 1987 | Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La        | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 739 | 23933 | Bà Phan Thị Quỳnh Anh    | 06 | 11 | 1997 | Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội   | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 740 | 23934 | Bà Đỗ Thị Hưng           | 23 | 4  | 1994 | Xã Thái Ngọc, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương      | 780 | 4 | 5 | 2024 |



|     |       |                      |    |    |      |                                                           |     |   |   |      |
|-----|-------|----------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------------|-----|---|---|------|
| 741 | 23935 | Bà Vũ Đặng Đan Quỳnh | 26 | 7  | 1996 | Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 742 | 23936 | Bà Lê Bích Ngà       | 02 | 12 | 1996 | Phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội        | 780 | 4 | 5 | 2024 |
| 743 | 23937 | Bà Nguyễn Thị Hoa    | 07 | 8  | 1995 | Xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội            | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 744 | 23938 | Ông Phạm Yến Thanh   | 13 | 12 | 1998 | Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội       | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 745 | 23939 | Bà Cao Thị Thu Hiền  | 01 | 5  | 1997 | Xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An              | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 746 | 23940 | Bà Nguyễn Ánh Ngọc   | 16 | 8  | 1989 | Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội             | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 747 | 23941 | Bà Quách Thanh Hương | 12 | 7  | 1995 | Phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội     | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 748 | 23942 | Bà Chu Thị Châu Sa   | 09 | 3  | 1996 | Xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn                  | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 749 | 23943 | Bà Nguyễn Mai Hương  | 13 | 01 | 1998 | Phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang         | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 750 | 23944 | Bà Trần Thị Thu Hoài | 21 | 8  | 1998 | Phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An          | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 751 | 23945 | Ông Nguyễn Thế Tài   | 07 | 7  | 1988 | Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên             | 781 | 4 | 5 | 2024 |
| 752 | 23946 | Bà Lê Thị Trâm       | 19 | 7  | 1992 | Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội          | 781 | 4 | 5 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                       |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 753 | 23947 | Ông Thiều Nguyễn Duy Anh | 26 | 12 | 1997 | Phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội      | 781 | 4  | 5 | 2024 |
| 754 | 23948 | Bà Dư Minh Hằng          | 11 | 10 | 1998 | Xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội            | 781 | 4  | 5 | 2024 |
| 755 | 23949 | Bà Trần Thị Hải          | 02 | 10 | 1996 | Xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An             | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 756 | 23950 | Ông Lê Văn Tạo           | 15 | 01 | 1977 | Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An       | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 757 | 23951 | Bà Phạm Thị Phương Thảo  | 25 | 6  | 1984 | Phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội        | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 758 | 23952 | Bà Phan Thị Hạnh         | 26 | 5  | 1986 | Phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 759 | 23953 | Ông Nguyễn Minh Chiến    | 05 | 3  | 1996 | Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 760 | 23954 | Ông Nguyễn Ngọc Tú       | 19 | 9  | 1995 | Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội        | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 761 | 23955 | Bà Trần Thị Lan          | 20 | 11 | 1997 | Xã Xuân Lĩnh, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh           | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 762 | 23956 | Ông Trần Tiểu Bình       | 13 | 9  | 1968 | Phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội      | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 763 | 23957 | Ông Võ Văn Tuyển         | 11 | 02 | 1963 | Phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội     | 782 | 4  | 5 | 2024 |
| 764 | 23958 | Bà Vũ Thị Kim Duyên      | 19 | 01 | 1996 | Phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng         | 838 | 15 | 5 | 2024 |

|     |       |                         |    |    |      |                                                                  |     |    |   |      |
|-----|-------|-------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 765 | 23959 | Ông Nguyễn Danh Linh    | 30 | 8  | 1992 | Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng             | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 766 | 23960 | Ông Hoàng Hà            | 19 | 8  | 1988 | Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                          | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 767 | 23961 | Bà Nguyễn Thị Mai Hương | 05 | 8  | 1980 | Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh               | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 768 | 23962 | Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | 01 | 01 | 1991 | Phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận           | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 769 | 23963 | Ông Lê Phát Đạt         | 14 | 11 | 1997 | Xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang                 | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 770 | 23964 | Bà Đỗ Thị Lĩnh          | 17 | 02 | 1978 | Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh                     | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 771 | 23965 | Ông Vũ Công Hoành       | 04 | 12 | 1965 | Phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng               | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 772 | 23966 | Bà Liễu Thị Liên        | 03 | 12 | 1976 | Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn              | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 773 | 23967 | Ông Nguyễn Việt Hùng    | 04 | 10 | 1962 | Thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang                   | 838 | 15 | 5 | 2024 |
| 774 | 23968 | Ông Hồ Bảo              | 2  | 11 | 1997 | Phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 775 | 23969 | Ông Lê Minh Chuẩn       | 4  | 4  | 1997 | Phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang               | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 776 | 23970 | Bà Phạm Thị Ngọc Diễm   | 11 | 5  | 1991 | Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh                         | 845 | 17 | 5 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                     |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 777 | 23971 | Bà Lương Vũ Thùy Dương    | 20 | 6  | 1997 | Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 778 | 23972 | Bà Nguyễn Lương Huỳnh Đào | 11 | 1  | 1998 | Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh      | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 779 | 23973 | Ông Bích Văn Đạo          | 30 | 12 | 1990 | Xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận        | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 780 | 23974 | Ông Vũ Tuấn Hải           | 1  | 11 | 1991 | Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh    | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 781 | 23975 | Bà Nguyễn Hoài Đình Hân   | 10 | 6  | 1997 | Thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định    | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 782 | 23976 | Bà Võ Ngọc Mai Hoa        | 8  | 8  | 1992 | Phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương      | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 783 | 23977 | Ông Nguyễn Khánh          | 19 | 4  | 1990 | Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi        | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 784 | 23978 | Bà Tất Tiểu Linh          | 18 | 5  | 1993 | Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh           | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 785 | 23979 | Bà Trần Thị Thùy Linh     | 26 | 1  | 1996 | Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước      | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 786 | 23980 | Bà Nguyễn Hoài Linh       | 12 | 8  | 1995 | Xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định          | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 787 | 23981 | Ông Huỳnh Bá Bảo Lộc      | 1  | 1  | 1997 | Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam   | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 788 | 23982 | Ông Nguyễn Văn Mộng       | 30 | 10 | 1992 | Xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa      | 845 | 17 | 5 | 2024 |

|     |       |                          |    |    |      |                                                         |     |    |   |      |
|-----|-------|--------------------------|----|----|------|---------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 789 | 23983 | Bà Đoàn Thị Thúy Ngân    | 3  | 6  | 1995 | Xã Phở Phong, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi           | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 790 | 23984 | Bà Phạm Thị Bảo Ngọc     | 30 | 10 | 1992 | Xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre         | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 791 | 23985 | Bà Nguyễn Thị Nhã        | 1  | 6  | 1995 | Xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk                   | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 792 | 23986 | Bà Trần Thị Quỳnh Như    | 22 | 12 | 1997 | Xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang          | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 793 | 23987 | Bà Nguyễn Thị Nhung      | 24 | 11 | 1996 | Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh       | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 794 | 23988 | Ông Cao Thiên Phú        | 24 | 5  | 1995 | Phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa  | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 795 | 23989 | Bà Hồ Kim Hồng Phúc      | 3  | 4  | 1996 | Phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên       | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 796 | 23990 | Bà Huỳnh Thị Bích Phương | 15 | 6  | 1995 | Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi   | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 797 | 23991 | Ông Nguyễn Xuân Thao     | 17 | 10 | 1987 | Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh                | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 798 | 23992 | Ông Bùi Văn Thiệt        | 10 | 4  | 1993 | Xã Nhơn Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An              | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 799 | 23993 | Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | 16 | 6  | 1995 | Phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước    | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 800 | 23994 | Bà Huỳnh Thị Ngọc Thủy   | 8  | 4  | 1993 | Phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng | 845 | 17 | 5 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                       |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|-------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 801 | 23995 | Bà Lê Thị Hồng Thúy       | 7  | 1  | 1998 | Phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 802 | 23996 | Bà Nguyễn Hồng Minh Thư   | 13 | 6  | 1991 | Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh         | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 803 | 23997 | Bà Kim Nguyễn Mai Thy     | 11 | 6  | 1997 | Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh         | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 804 | 23998 | Bà Nguyễn Trịnh Thủy Tiên | 29 | 7  | 1995 | Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh       | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 805 | 23999 | Bà Bùi Thị Thùy Trang     | 26 | 8  | 1996 | Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk      | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 806 | 24000 | Bà Ngô Thị Thùy Trang     | 6  | 6  | 1997 | Xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông              | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 807 | 24001 | Bà Trịnh Huyền Trang      | 22 | 12 | 1997 | Xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa   | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 808 | 24002 | Ông Nguyễn Thanh Tùng     | 15 | 8  | 1993 | Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên            | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 809 | 24003 | Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền   | 1  | 4  | 1991 | Xã Thanh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre          | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 810 | 24004 | Ông Lê Thế Tuyền          | 30 | 3  | 1993 | Xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận             | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 811 | 24005 | Ông Nguyễn Minh Sơn       | 12 | 7  | 1988 | Thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông       | 845 | 17 | 5 | 2024 |
| 812 | 24006 | Ông Nguyễn Văn Tính       | 08 | 7  | 1992 | Xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai             | 846 | 17 | 5 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                            |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 813 | 24007 | Ông Nguyễn Ngọc Lĩnh      | 14 | 5  | 1990 | Xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định                 | 846 | 17 | 5 | 2024 |
| 814 | 24008 | Ông Lê Ngọc Minh          | 24 | 11 | 1991 | Phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai        | 846 | 17 | 5 | 2024 |
| 815 | 24009 | Bà Nguyễn Thị Tường Vy    | 10 | 8  | 1997 | Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định                  | 846 | 17 | 5 | 2024 |
| 816 | 24010 | Ông Văn Đình Giáp         | 23 | 3  | 1994 | Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An              | 846 | 17 | 5 | 2024 |
| 817 | 24011 | Ông Lê Tiến Dũng          | 10 | 3  | 1963 | Phường Phan Thiet, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang | 846 | 17 | 5 | 2024 |
| 818 | 24012 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh    | 20 | 11 | 1994 | Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên              | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 819 | 24013 | Bà Phạm Thị Mến           | 26 | 7  | 1992 | Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội           | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 820 | 24014 | Bà Nguyễn Thị Kim Nhung   | 09 | 3  | 1974 | Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội       | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 821 | 24015 | Bà Phùng Thị Thanh Hoa    | 13 | 02 | 1997 | Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội               | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 822 | 24016 | Bà Nguyễn Thị Thu Trang   | 24 | 3  | 1995 | Xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên                   | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 823 | 24017 | Ông Hoàng Thái Sơn        | 16 | 5  | 1983 | Phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội        | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 824 | 24018 | Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 21 | 4  | 1995 | Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang      | 864 | 20 | 5 | 2024 |

|     |       |                           |    |    |      |                                                           |     |    |   |      |
|-----|-------|---------------------------|----|----|------|-----------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 825 | 24019 | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | 26 | 7  | 1995 | Phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh       | 864 | 20 | 5 | 2024 |
| 826 | 24020 | Bà Lê Thị Bích Hạnh       | 13 | 9  | 1998 | Xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội             | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 827 | 24021 | Bà Nguyễn Ngọc Ly         | 12 | 11 | 1991 | Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội      | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 828 | 24022 | Bà Trương Vũ Giang        | 22 | 5  | 1995 | Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội      | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 829 | 24023 | Bà Trần Thị Lan Hương     | 17 | 9  | 1996 | Phường Trần Quang Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 830 | 24024 | Ông Vũ Gia Huy            | 05 | 11 | 1997 | Phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội        | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 831 | 24025 | Bà Thái Bảo Ngọc          | 10 | 4  | 1998 | Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh        | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 832 | 24026 | Ông Lâm Thanh Bình        | 13 | 02 | 1997 | Phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên        | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 833 | 24027 | Bà Trần Tố Uyên           | 26 | 11 | 1997 | Phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An               | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 834 | 24028 | Bà Ngô Thu Thủy           | 20 | 6  | 1998 | Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội            | 865 | 20 | 5 | 2024 |
| 835 | 24029 | Bà Trần Thị Ngọc Hòa      | 09 | 6  | 1994 | Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội       | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 836 | 24030 | Bà Nguyễn Thúy Hạnh       | 04 | 12 | 1993 | Phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội      | 868 | 20 | 5 | 2024 |



|     |       |                        |    |    |      |                                                      |     |    |   |      |
|-----|-------|------------------------|----|----|------|------------------------------------------------------|-----|----|---|------|
| 837 | 24031 | Bà Nguyễn Thị Minh Anh | 23 | 8  | 1997 | Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa    | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 838 | 24032 | Bà Nguyễn Thị Kim Anh  | 10 | 7  | 1995 | Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên           | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 839 | 24033 | Bà Nguyễn Minh Huệ     | 08 | 3  | 1992 | Xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội         | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 840 | 24034 | Bà Nguyễn Linh Hà      | 06 | 01 | 1992 | Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 841 | 24035 | Ông Nguyễn Hữu Triết   | 13 | 5  | 1995 | Xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang        | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 842 | 24036 | Bà Trương Thị Thu Ba   | 16 | 8  | 1996 | Xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam          | 868 | 20 | 5 | 2024 |
| 843 | 24037 | Ông Phạm Cao Huynh     | 13 | 5  | 1965 | Phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội        | 909 | 24 | 5 | 2024 |
| 844 | 24038 | Ông Nguyễn Trung Thành | 05 | 11 | 1978 | Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội              | 909 | 24 | 5 | 2024 |
| 845 | 24039 | Ông Nguyễn Hoàng Minh  | 25 | 02 | 1960 | Phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 909 | 24 | 5 | 2024 |
| 846 | 24040 | Bà Võ Thị Thanh Xuân   | 24 | 12 | 1967 | Phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương | 909 | 24 | 5 | 2024 |